

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 544/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 6 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh đối tượng, kinh phí thuộc Đề án hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27/11/2023;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09/12/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ và tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỷ lệ đối ứng vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương giai đoạn 2023 - 2025;

Căn cứ Công điện số 84/CD-TTg ngày 08/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung hoàn thành mục tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước trước ngày 31/8/2025;

Căn cứ Quyết định số 161-QĐ/TU ngày 15/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập Ban Chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt điều chỉnh Đề án hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Xây dựng tại Tờ trình số 18/TTr-SXD ngày 25/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh đối tượng, kinh phí thuộc Đề án hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (sau hợp nhất) năm 2025, như sau:

1. Đối tượng, kinh phí thuộc Đề án các tỉnh: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hòa Bình (cũ) đã phê duyệt như sau:

1.1. Tổng số hộ là người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ được hỗ trợ về nhà ở là 2.131 hộ (xây mới 690 hộ; sửa chữa 1.441 hộ).

Trong đó:

- Tỉnh Phú Thọ (cũ) 1.265 hộ (xây mới: 445 hộ; sửa chữa: 820 hộ).
- Tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) 604 nhà (xây mới 151 hộ; sửa chữa: 453 hộ).
- Tỉnh Hòa Bình (cũ) 262 hộ (xây mới: 94 hộ; sửa chữa: 168 hộ).

1.2. Tổng kinh phí từ ngân sách nhà nước đã phê duyệt là 84.630 triệu đồng (nguồn ngân sách Trung ương: 73.305 triệu đồng; nguồn ngân sách địa phương: 11.325 triệu đồng).

Trong đó:

- Tỉnh Phú Thọ (cũ) 51.300 triệu đồng, trong đó: nguồn ngân sách Trung ương: 51.300 triệu đồng.
- Tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) 22.650 triệu đồng, trong đó: nguồn ngân sách Trung ương: 11.325 triệu đồng; nguồn ngân sách địa phương: 11.325 triệu đồng.
- Tỉnh Hòa Bình (cũ) 10.680 triệu đồng, trong đó: nguồn ngân sách Trung ương: 10.680 triệu đồng.

2. Sau điều chỉnh, đối tượng, kinh phí thuộc Đề án của tỉnh Phú Thọ (sau hợp nhất) năm 2025, như sau:

2.1. Tổng số hộ là người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ được hỗ trợ về nhà ở sau điều chỉnh: 1.475 hộ (xây mới 460 hộ; sửa chữa: 1.015 hộ).

Trong đó:

- Khu vực Phú Thọ (cũ) 707 hộ (xây mới: 237 hộ; sửa chữa: 470 hộ).
- Khu vực Vĩnh Phúc (cũ) 585 hộ (xây mới: 146 hộ; sửa chữa: 439 hộ).
- Khu vực Hòa Bình (cũ) 183 hộ (xây mới: 77 hộ; sửa chữa: 106 hộ).

2.2. Tổng kinh phí từ ngân sách nhà nước sau điều chỉnh là: 58.050 triệu đồng (nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương 47.085 triệu đồng, nguồn vốn từ ngân sách địa phương 10.965 triệu đồng).

Trong đó:

- Khu vực Phú Thọ (cũ) 28.320 triệu đồng, trong đó: nguồn ngân sách Trung ương 28.320 triệu đồng .

- Khu vực Vĩnh Phúc (cũ) 21.930 triệu đồng, trong đó: nguồn ngân sách Trung ương: 10.965 triệu đồng; nguồn ngân sách địa phương: 10.965 triệu đồng.

- Khu vực Hòa Bình (cũ) 7.800 triệu đồng, trong đó: nguồn ngân sách Trung ương: 7.800 triệu đồng.

(Chi tiết đối tượng, kinh phí điều chỉnh tại các Phụ lục kèm theo)

(Các nội dung khác giữ nguyên và thực hiện theo các Quyết định: số 351/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ (cũ); số 1276/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc (cũ); số 67/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của UBND tỉnh Hòa Bình (cũ)).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước UBND tỉnh về đối tượng, kinh phí được phê duyệt điều chỉnh; tiếp tục tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành toàn bộ nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ **trước ngày 25/8/2025**.

Trong quá trình triển khai thực hiện chủ động giải quyết khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền, lĩnh vực, địa bàn quản lý; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả với Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh, các Bộ, ngành Trung ương theo quy định. Đối với nội dung vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo đề xuất Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh.

2. Căn cứ Quyết định này, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan rà soát, đề xuất UBND tỉnh quyết định việc điều chỉnh, thu hồi, điều chuyển kinh phí thực hiện Đề án, hoàn trả ngân sách Trung ương đối với kinh phí còn dư theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nội vụ, Dân tộc và Tôn giáo; Chủ tịch UBND các xã, phường, và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Huy Ngọc

TỔNG HỢP NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG, THÂN NHÂN LIỆT SĨ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ (SAU HỢP NHẤT) NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số : 544/QĐ-UBND ngày 6 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Danh mục	Hộ Người có công được hỗ trợ xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh									Nguồn kinh phí thực hiện								
		Theo Đề án được duyệt			Số điều chỉnh			Tổng số sau điều chỉnh			Theo Đề án được duyệt			Số điều chỉnh			Tổng số sau điều chỉnh		
		Tổng số (hộ)	Trong đó		Tổng số (hộ)	Trong đó		Tổng số (hộ)	Trong đó		Tổng số (triệu đồng)	Trong đó		Tổng số (triệu đồng)	Trong đó		Tổng số (triệu đồng)	Tron g đó	
			Xây mới (hộ)	Cải tạo (hộ)		Xây mới (hộ)	Cải tạo (hộ)		Xây mới (hộ)	Cải tạo (hộ)		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trun g ương	Ngân sách địa phương
*	Toàn tỉnh Phú Thọ (sau hợp nhất)	2,131	690	1,441	-656	-230	-426	1,475	460	1,015	84,630	73,305	11,325	-26,580	-26,220	-360	58,050	47,085	10,965
1	Phú Thọ (cũ)	1,265	445	820	-558	-208	-350	707	237	470	51,300	51,300	0	-22,980	-22,980	0	28,320	28,320	
2	Vĩnh Phúc (cũ)	604	151	453	-19	-5	-14	585	146	439	22,650	11,325	11,325	-720	-360	-360	21,930	10,965	10,965
3	Hòa Bình (cũ)	262	94	168	-79	-17	-62	183	77	106	10,680	10,680	0	-2,880	-2,880	0	7,800	7,800	

Phụ lục 02
TỔNG HỢP NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH CÁC ĐỀ ÁN HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI
CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG, THÂN NHÂN LIỆT SĨ CÁC TỈNH:
PHÚ THỌ, VĨNH PHÚC, HÒA BÌNH (CŨ) NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 544 /QĐ-UBND ngày 6 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Phú Thọ)

I. Điều chỉnh Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (cũ) năm 2025, như sau:

1. Điều chỉnh đối tượng hỗ trợ

1.1. Nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ:

Tổng số nhà hỗ trợ cho người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ là 1.265 hộ (xây mới: 445 hộ; sửa chữa: 820 hộ).

1.2. Nội dung điều chỉnh:

Tổng số hộ là người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ được hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (cũ) là **707 hộ** (xây mới: 237 hộ; sửa chữa: 470 hộ), cụ thể:

- Đưa ra khỏi Đề án đối với **664 hộ** (xây mới: 232 hộ, sửa chữa: 432 hộ) (Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo).
- Bổ sung vào Đề án đối với **106 hộ** (xây mới: 39 hộ, sửa chữa: 67 hộ) (Chi tiết tại Phụ lục số 04 kèm theo).
- Điều chỉnh hình thức hỗ trợ đối với **49 hộ** (từ xây mới sang sửa chữa: 32 hộ; từ sửa chữa sang xây mới 17 hộ) (Chi tiết tại Phụ lục số 05 kèm theo).

2. Điều chỉnh kinh phí hỗ trợ

2.1. Nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ:

- Kinh phí thực hiện: 51.300 triệu đồng.
- Kinh phí nhà nước hỗ trợ: 51.300 triệu đồng (trong đó nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương: 51.300 triệu đồng).

2.2. Nội dung điều chỉnh:

- Tổng kinh phí: **28.320 triệu đồng** (nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương 28.320 triệu đồng) (Chi tiết tại Phụ lục số 06 kèm theo).

II. Điều chỉnh Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) năm 2025, như sau:

1. Điều chỉnh đối tượng hỗ trợ

1.1. Nội dung đã phê duyệt tại Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc:

Tổng số nhà hỗ trợ cho người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ là 604 nhà (xây mới 151 hộ; sửa chữa: 453 hộ).

1.2. Nội dung điều chỉnh:

Tổng số hộ là người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ được hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) là **585 hộ** (xây mới: 146 hộ; sửa chữa: 439 hộ), cụ thể:

- Đưa ra khỏi Đề án đối với **20 hộ** (xây mới: 07 hộ, sửa chữa: 13 hộ).
- Bổ sung vào Đề án hỗ trợ về nhà ở đối với **01 hộ** (xây mới: 01 hộ).
- Điều chỉnh hình thức hỗ trợ từ sửa chữa sang xây mới đối với **01 hộ**.

(Chi tiết tại Phụ lục số 07 kèm theo)

2. Điều chỉnh kinh phí hỗ trợ

2.1. Nội dung đã phê duyệt tại Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc:

Tổng kinh phí dự kiến: 22.650 triệu đồng, trong đó: nguồn ngân sách Trung ương: 11.325 triệu đồng; nguồn ngân sách địa phương: 11.325 triệu đồng.

2.2. Nội dung điều chỉnh:

Tổng kinh phí: **21.930 triệu đồng** (trong đó: nguồn ngân sách Trung ương: 10.965 triệu đồng; nguồn ngân sách địa phương: 10.965 triệu đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục số 08 kèm theo)

III. Điều chỉnh Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (cũ) năm 2025, như sau:

1. Điều chỉnh đối tượng hỗ trợ

1.1. Nội dung đã phê duyệt tại Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của UBND tỉnh Hòa Bình:

Tổng số nhà hỗ trợ cho người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ là 262 hộ (xây mới: 94 hộ; sửa chữa: 168 hộ).

1.2. Nội dung điều chỉnh:

Tổng số hộ là người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ được hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (cũ) là **183 hộ** (xây mới: 77 hộ; sửa chữa: 106 hộ), cụ thể:

- Đưa ra khỏi Đề án đối với **79 hộ** (xây mới: 17 hộ, sửa chữa: 62 hộ).

(Chi tiết tại Phụ lục số 09 kèm theo)

2. Điều chỉnh kinh phí hỗ trợ

2.1. Nội dung đã phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của UBND tỉnh Hòa Bình:

a) Tổng kinh phí thực hiện: 10,68 tỷ đồng.

- Hỗ trợ xây mới nhà ở: 94 hộ x 60 triệu đồng/hộ: 5,64 tỷ đồng;

- Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa nhà ở: 168 hộ x 30 triệu đồng/hộ: 5,04 tỷ đồng

b) Nguồn vốn hỗ trợ:

- Ngân sách Trung ương: 10,68 tỷ đồng;

- Vốn huy động từ ngân sách địa phương (nếu có), cộng đồng, dòng họ và đóng góp của hộ gia đình được hỗ trợ.

2.2. Nội dung điều chỉnh:

- Tổng kinh phí: **7.800 triệu đồng** (nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương 7.800 triệu đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục số 10 kèm theo).

Phụ lục 03
DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯA RA KHỎI ĐỀ ÁN HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG, THÂN NHÂN LIỆT SĨ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ (CŨ) NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 544/QĐ-UBND ngày 6 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT		Họ và tên	Địa chỉ	Loại đối tượng	Sơ bộ tình trạng nhà ở	Hiện trạng về đất ở			Tổng số hộ	Nhu cầu		Ghi chú
						Đã có giấy chứng nhận QSDĐ	Chưa có giấy chứng nhận QSDĐ	Có đất nhưng chưa chuyển đổi mục đích sử dụng đất thành đất ở		Xây mới	Cải tạo	
Phường Thanh Miếu									5	3	2	
	Khu vực Bạch Hạc (cũ)									0	2	
1	1	Bùi Thị Thuật	Khu Phong Châu	Thương binh (Tỷ lệ TTCT 21%)	Sửa chữa nhà ở cấp 4 bị xuống cấp phần mái và phần tường.	x					x	
2	2	Vũ Thị Ngà	Khu Phong Châu	TNLS (mẹ) Nguyễn Tiên Nhuận	Nhà cấp 4 tường bong tróc, ẩm mốc, mái fibro xi măng bị thấm dột phần trần cần phải sửa chữa thay mới	x					x	
	Khu vực Thọ Sơn (cũ)									2	0	
3	3	Lê Xuân Nghiêu	Khu Việt Hưng	Thương binh (Tỷ lệ TTCT 23%, CĐHH 41%)	Hỗ trợ gia đình người có công xây mới nhà ở đã xuống cấp nghiêm trọng.	x				x		
4	4	Đình Quang Chuyên	Khu Hòa Bình	Thương binh (Tỷ lệ TTCT 27%)	Hỗ trợ gia đình NCC xây mới nhà ở đã xuống cấp nghiêm trọng.	x				x		

	Khu vực Thanh Miếu (cũ)									1	0	
5	5	Bùi Văn Lương	Khu 4	Thương binh (Tỷ lệ TTCT 65%)	Hỗ trợ gia đình người có công xây mới nhà ở đã xuống cấp nghiêm trọng, mái Fibro xi măng đã xuống cấp, tường cũ, nứt, bị mối mọt	x				x		
Phường Việt Trì									2	2	0	
	Khu vực Gia Cẩm (cũ)									1	0	
6	1	Hoàng Trọng Minh	Khu Hàm Nghi	Thương binh	Nhà cấp 4, mái lợp fibro xi măng, bị vỡ nát, dột nhiều phải lợp bạt, hư hỏng nặng	x				x		
	Khu vực Minh Nông (cũ)									1	0	
7	2	Nguyễn Văn Tĩnh	Khu Minh Bật	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH (81%), TB (22%)	Hỗ trợ gia đình người có công xây mới nhà ở đã xuống cấp nghiêm trọng, tường và mái nhà đã hư hỏng, bong tróc, nhà ở thấm dột, tường một số chỗ bị nứt	x				x		
Phường Nông Trang									2	0	2	
	Khu vực Minh Phương (cũ)									0	1	
8	1	Hoàng Văn Quý	Khu Liên Minh	HĐKC có HHC	Nhà cấp 4 xây từ 1980, mái ngói dột nát, khung tre mối mọt cần phải thay mới	x					x	
	Khu vực Nông Trang (cũ)									0	1	

9	2	Tạ Đức Thung	Khu 3	Thương binh 21%	Nhà cấp 4, lợp fibro măng đã vỡ nát, khung gỗ mối mọt ngấm dột, xuống cấp cần phải thay khung và mái mới			x			x	
Phường Vân Phú									4	1	3	
	Khu vực Kim Đức (cũ)									0	1	
10	1	Lê Thị Hộ	Khu 1	TNLS (mẹ)	Nhà cấp 4, mái ngói vỡ nát, bị dột nát	x					x	
	Khu vực Phụng Lâu (cũ)									1	2	
11	2	Nguyễn Thị Thoa	Khu 6	Con Liệt sỹ	Xây mới nhà ở cấp 4 bị xuống cấp phần móng xây gạch đã cũ, phần tường nứt nẻ, ẩm mốc, mái lợp tôn bị cũ rột nhiều chỗ	x					x	
12	3	Nguyễn Văn Chung	Khu 7	Thương binh 3/4 (41%)	Sửa chữa nhà ở cấp 4 bị xuống cấp phần mái lợp ngói lâu năm đã cũ dột và phần tường đã cũ, bong tróc nhiều	x					x	
13	4	Nguyễn Văn Trình	Khu 7	Bệnh binh 41%	Nhà cấp 4, mái ngói hư hỏng dột nát, tường gạch đã cũ, bong tróc	x					x	
Xã Hy Cương									2	1	1	
	Khu vực Chu Hóa (cũ)									0	1	

14	1	Phạm Thị Thanh	Khu 5	Thân nhân liệt sĩ	Nhà cấp 4 xuống cấp, mái fibro xi măng khung gỗ đã bị xô lệch, dập nát có nguy cơ đổ sập, tường cát vôi đã bong tróc nặng	x					x	
	Khu vực Hy Cương (cũ)									1	0	
15	2	Đào Xuân Bử	Khu 3	CĐHH 41%	Nhà cấp 4 bị xuống cấp, cột xà bằng gỗ bị mối mọt, tường ngấm nước, nền bong tróc, mái lợp fibro cũ nát, có nguy cơ đổ sập	x				x		
Phường Phú Thọ									11	2	9	
	Khu vực Hà Lộc (cũ)									0	1	
16	1	Phạm Viết Thuyền	Khu 2	Thương binh	Nhà ở xuống cấp		x				x	Chuyển nhượng cho con
	Khu vực Hùng Vương (cũ)									2	8	
17	2	Nguyễn Vĩnh Thiệp	Khu Sa Đéc	Thương binh + CĐHH	Nhà bị hư hỏng phần mái, bị dột	x				x		
18	3	Đặng Xuân Rô	KDC Tân Lập	Thương binh	Nhà ở xuống cấp, bị dột nát	x					x	
19	4	Đinh Văn Phiến	KDC Sa Đéc	Thương binh	Nhà ở mới xây nhưng phần mái bị lỗi, phải thay cả mái	x					x	
20	5	Phạm Quang Xiêm	KDC Tân Lập	CĐHH	Nhà ở xuống cấp, bị dột nát	x					x	

21	6	Phạm Thị Tầm	KDC Tân Lập	Người HĐKC có Huân Huy chương	Nhà ở xuống cấp, bị đột nát	x					x	
22	7	Trịnh Thị Đoàn	KDC Tân Lập	CĐHH	Nhà bị hư hỏng phần mái, bị đột	x					x	
23	8	Trịnh Chí Nghĩa	KDC Tân Thành	CĐHH + BB	Nhà phần bếp và phòng ngủ bị đột	x					x	
24	9	Nguyễn Thị Khanh	KDC Tân Lập	Người HĐKC có Huân Huy chương	Phần mái lợp Phiblo xi măng đã xuống cấp	x					x	
25	10	Hoàng Thị Chanh	KDC Tân Thành	Người HĐKC có Huân Huy chương	Nhà ở xuống cấp, bị đột nát	x					x	
26	11	Ma Thị Dinh	KDC Tân An	Thân nhân Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
Phường Phong Châu									3	0	3	
	<i>Khu vực Phú Hộ (cũ)</i>									0	3	
27	1	Lại Vũ Sinh	Khu 9	Bệnh binh	Nhà tường bị nứt, mái bị đột	x					x	
28	2	Nguyễn Quốc Đạt	Khu 9	Thương binh	Nhà tường bị bong, mái bị đột	x					x	
29	3	Nguyễn Văn Đa	Khu 3	Thương binh	Tường bị hư hỏng, mái bị đột	x					x	
Phường Âu Cơ									2	2	0	
	<i>Khu vực Thanh Vinh (cũ)</i>									2	0	
30	1	Trần Đức Toàn	KDC Thanh Bình	Bệnh binh	Nhà bị xuống cấp, hư hỏng nặng	x				x		
31	2	Chu Đăng Đài	KDC Thanh Bình	Thương binh	Nhà bị xuống cấp, hư hỏng nặng	x				x		
Xã Cẩm Khê									5	3	2	

	Khu vực Phong Thịnh (cũ)									3	2	
32	1	Nguyễn Văn Huân	Nhà Thị	HĐKC	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
33	2	Nguyễn Thị Duyên	Gò Làng Dưới	HĐKC	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
34	3	Hà Trọng Bình	Khu Xóm Cánh 3	HĐKC	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
35	4	Hà Văn Thức	Khu Gò Sỏi	Thương binh	Nhà bị hư hỏng	x					x	
36	5	Hoàng Văn Thành	Gò Làng Dưới	HĐKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
Xã Đồng Lương									10	3	7	
	Khu vực Đồng Lương (cũ)									1	1	
37	1	Phan Văn Tuấn	Vạn Phong	Bệnh Binh	Nhà bị hư hỏng	x					x	
38	2	Cao Văn Hải	Xi Hen	HĐKC	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
	Khu vực Điều Lương (cũ)									2	6	
39	3	Nguyễn Văn Đề	Sâu	TNLS	Nhà bị hư hỏng	x					x	
40	4	Điêu Kim Sơn	Sâu	TB>81%	Nhà bị hư hỏng	x					x	
41	5	Lê Thị Tạng	Đồng Chè	TNLS	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
42	6	Hà Thị Kim Nhung	Tân Lập	Con LS	Nhà bị hư hỏng	x					x	
43	7	Nguyễn Văn Chính	Cửa Ải	CĐHH	Nhà bị hư hỏng	x					x	
44	8	Nguyễn Thị Mùi	Cửa Ải	TNLS	Nhà bị hư hỏng	x					x	
45	9	Nguyễn Thị Chắt	Trung Thị	TNLS	Nhà bị hư hỏng	x					x	
46	10	Nguyễn Ngọc Minh	Trung Thị	CĐHH	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
Xã Tiên Lương									20	10	10	
	Khu vực Phượng Vĩ (cũ)									3	1	
47	1	Nguyễn Văn Trộn	Khu Mỏ Sẻ	TNLS (con)	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
48	2	Nguyễn Văn Niên	Xóm Chùa	Thương binh (81%)	Nhà bị hư hỏng	x					x	
49	3	Nguyễn Thị Nhận	Khu Mỏ Sẻ	TNLS (con)	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
50	4	Nguyễn Thị Định	Khu Gò Tre	TNLS (vợ)	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
	Khu vực Minh Thắng (cũ)									7	9	

51	5	Trần Thị Huệ	Khu Xóm Chùa	HHC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
52	6	Lê Văn Sắc	Khu Xóm Chùa	Bệnh binh	Nhà bị hư hỏng	x					x	
53	7	Nguyễn Văn Quận	Khu Ý Miễn	HHC	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
54	8	Nguyễn Văn Sỹ	Khu Ý Miễn	HHC	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
55	9	Nguyễn Đăng Giáp	Khu Ý Miễn	HHC	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
56	10	Nguyễn Văn Cảnh	Khu Xóm Thịnh	HHC	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
57	11	Nguyễn Văn Đê	Khu Xóm Tri	TNLS (con)	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
58	12	Trần Văn Lập	Khu Xóm Thượng	CĐHH	Nhà bị hư hỏng	x					x	
59	13	Đoàn Thị Xuân	Khu Bình Minh	TNLS (con)	Nhà bị hư hỏng	x					x	
60	14	Bùi Văn Tú	Khu Minh Lương	HHC	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
61	15	Nguyễn Thị Minh	Khu Tân An	TNLS (con)	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
62	16	Kiều Thị Liễu	Khu Thống Nhất	HHC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
63	17	Lã Ngọc Vân	Khu Thống Nhất	HHC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
64	18	Kiều Đức Mai	Khu Thắng Lợi	HHC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
65	19	Đỗ Quy Mô	Khu Liên Hiệp	HHC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
66	20	Nguyễn Công Năm	Khu Thượng Thọ	HHC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
Xã Phú Khê									11	1	10	
	Khu vực Phú Khê (cũ)									1	10	

67	1	Nguyễn Xuân Thủy	Đoàn Trong	HĐKC	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
68	2	Nguyễn Thường Vụ	Tân Lập	HĐKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
69	3	Nguyễn Văn Đồi	Đoàn Trong	HĐKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
70	4	Vũ Đức Nghĩa	Đoàn Trong	HĐKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
71	5	Nguyễn Hữu Sự	Tân Lập	CĐHH	Nhà bị hư hỏng	x					x	
72	6	Đỗ Kim Thanh	Tân Lập	HĐKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
73	7	Hà Trọng Tân	Đoàn Ngoài	HĐKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
74	8	Nguyễn Chí Công	Đoàn Ngoài	Thương binh	Nhà bị hư hỏng	x					x	
75	9	Nguyễn Văn Tiến	Đoàn Trong	HĐKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
76	10	Nguyễn Huy Sảo	Đoàn Trong	HĐKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
77	11	Nguyễn Quốc Thịnh	Phú Cường	HĐKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
Xã Hùng Việt									19	7	12	
	Khu vực Hùng Việt (cũ)									1	0	
78	1	Nguyễn Hải Hậu	Khu Thạch Đê	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
	Khu vực Nhật Tiến (cũ)									6	12	
79	2	Nguyễn Hoa Cam	Tây Tiến 1	TNLS (vợ)	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
80	3	Lê Hữu Tặng	Tây Tiến 2	HCKC	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
81	4	Trịnh Thị Huyền	Nam Tiến	HCKC	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
82	5	Nguyễn Văn Đắc	Khu Lê Lợi	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
83	6	Đỗ Văn Công	Khu Đồng Sáu	TB, CĐHH	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
84	7	Trịnh Văn Chung	Khu Bắc Tiến 2	CĐHH	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
85	8	Phạm Bá Cối	Trung Tiến 1	HCKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
86	9	Hoàng Văn Duyên	Nam Tiến	Bệnh binh	Nhà bị hư hỏng	x					x	
87	10	Mai Hán Quyền	Nam Tiến	HCKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	

88	11	Nguyễn Thị Liễu	Khu Liên Tiếp	HCKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
89	12	Lê Huy Hường	Khu An Ninh	HCKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
90	13	Nguyễn Đức Chiến	Khu Đồng Phai	Bệnh binh	Nhà bị hư hỏng	x					x	
91	14	Nguyễn Xuân Lãm	Khu Quang Trung	HCKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
92	15	Ngô Văn Kính	Khu Xóm Chùa	TB, CĐHH	Nhà bị hư hỏng	x					x	
93	16	Đỗ Văn Chính	Khu Đồng Cạn	HCKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
94	17	Nguyễn Khắc Tuất	Khu Đồng Cạn	Thương binh	Nhà bị hư hỏng	x					x	
95	18	Hoàng Văn Đại	Khu Dốc Ngát	HCKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
96	19	Trần Văn Đà	Khu Đồng Rằm	HCKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
Xã Vân Bán									1	0	1	
	Khu vực Tam Sơn (cũ)									0	1	
97	1	Nguyễn Ngọc Thực	Khu Gò Cao	HĐKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
Xã Đan Thượng									5	2	3	
	Khu vực Đan Thượng (cũ)									1	2	
98	1	Lê Thị Đan	Khu 4	Huân huy chương	Nền nhà lát gạch. Cột nhà, vách nhà gỗ. Kết cấu mái bằng gỗ, tre, phủ lá cọ và bờ lô xi măng	x					x	

99	2	Nguyễn Thị Thuộc	Khu 4	Người HĐKC có Huân huy chương	Nền nhà lán xi măng. Cột, vách gỗ kết hợp tường xây. Kết cấu mái bằng gỗ, tre, phủ lá cọ, một phần lợp tôn		x				x	
100	3	Lê Hồng Tính	Khu 5	Thương binh	Nền nhà lán xi măng. Cột, vách gỗ. Kết cấu mái bằng gỗ, tre, phủ lá cọ.	x				x		
		Khu vực Đại Phạm (cũ)								1	1	
101	4	Nguyễn Lương Tuy	Khu 8	Huân huy chương	Nền nhà lán xi măng. Cột gỗ, vách trát vôi. Kết cấu mái bằng gỗ, tre, lợp bờ lô xi măng	x					x	
102	5	Phạm Văn Diệu	Khu 2	Thương binh	Nền nhà lán xi măng. Cột gỗ, vách gỗ. Kết cấu mái bằng gỗ, tre, lợp lá cọ và bờ lô xi măng	x				x		
Xã Hạ Hoà									1	1	0	
		Khu vực Ấm Hạ (cũ)								1	0	
103	1	Bùi Văn Oanh	Khu 8	Thương binh	Mái lợp lá cọ, vách gỗ, cột gỗ, nền lán xi măng	x				x		
Xã Văn Lang									1	1	0	
		Khu vực Văn Lang (cũ)								1	0	
104	1	Chu Minh Thư	Khu 3	Huân huy chương	Nền lát gạch. Cột, vách nhà bằng gỗ, đan tre, Kết cấu mái bằng gỗ, tre, phủ lá cọ và bờ lô xi măng	x				x		

Xã Hiền Lương									1	1	0	
	Khu vực Xuân Áng (cũ)									1	0	
105	1	Nguyễn Đức Bảng	Khu 4	Huân huy chương	Nền nhà lán xi măng. Cột gỗ , vách gỗ. Kết cấu mái bằng gỗ, tre, lợp lá cọ và bờ lô xi măng	x				x		
Xã Vĩnh Chân									1	1	0	
	Khu vực Vĩnh Chân (cũ)									1	0	
106	1	Nguyễn Đình Hồng	Khu 3	Bệnh binh	Nền nhà lán xi măng. Cột gỗ , vách gỗ. Kết cấu mái bằng gỗ, tre, lợp ngói	x				x		
Xã Phùng Nguyên									16	7	9	
	Khu vực Tứ Xã (cũ)									1	4	
107	1	Nguyễn Văn Sơn	Khu 8	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
108	2	Dương Văn Tín	Khu 5	TNLS (con)	Nhà bị hư hỏng	x					x	
109	3	Hoàng Thạch Thịnh	Khu 10	Thương binh	Nhà bị hư hỏng	x					x	
110	4	Nguyễn Văn Giang	Khu 12	Bệnh binh	Nhà bị hư hỏng	x					x	
111	5	Bùi Huy Được	Khu 8	TNLS (con)	Nhà bị hư hỏng	x					x	
	Khu vực Phùng Nguyên (cũ)									6	2	
112	6	Nguyễn Văn Hiền	Khu 2	Thương binh	Nhà bị hư hỏng	x					x	
113	7	Nguyễn Văn Khuê	Khu Đại Đình	HĐKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
114	8	Lưu Văn Lâm	Khu 4	CĐHH	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
115	9	Nguyễn Thị Kim Tinh	Khu 5	CĐHH	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
116	10	Nguyễn Huy Phương	Khu 5	CĐHH	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
117	11	Hán Văn Ngo	Khu lạng Thị	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
118	12	Lê Hồng Quang	Khu Bồng Lạng	Bệnh binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		

119	13	Bùi Văn Chi	Khu Lạng Thị	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng			x		x		
	Khu vực Sơn Vi (cũ)									0	3	
120	14	Nguyễn Thị Lê	Khu 9	TNLS (vợ)	Nhà bị hư hỏng	x					x	
121	15	Bùi Thị Ngọc Nương	Khu 14	TNLS (con)	Nhà bị hư hỏng	x					x	
122	16	Bùi Thị Thịnh	Khu 14	TNLS (vợ)	Nhà bị hư hỏng	x					x	
Xã Xuân Lũng									2	1	1	
	Khu vực Xuân Huy (cũ)									1	1	
123	1	Nguyễn Thị Lành	Khu 5	HĐKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	
124	2	Nguyễn Thị Nhất	Khu 5	HĐKC	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
Xã Bản Nguyên									26	18	8	
	Khu vực Cao Xá (cũ)									18	8	
125	1	Nguyễn Trọng Cát	Khu 1	Bệnh binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
126	2	Nguyễn Khắc Ngân	Khu 1	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
127	3	Nguyễn Minh Chúc	Khu 2	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
128	4	Lê Thị Mão	Khu 5	TNLS (Vợ)	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
129	5	Tô Ngọc Thạch	Khu 5	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
130	6	Lê Thị Chiến	Khu 9	TNLS (Vợ)	Nhà bị hư hỏng	x					x	
131	7	Cao Thị Dũng	Khu 10	TNLS (Mẹ)	Nhà bị hư hỏng	x					x	
132	8	Nguyễn Hữu Mận	Khu 11	TNLS (Bố)	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
133	9	Phan Đình Hoan	Khu 11	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
134	10	Nguyễn Thị Liên	Khu 11	TNLS (Mẹ)	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
135	11	Đỗ Thị Đạo	Khu 14	TNLS (Mẹ)	Nhà bị hư hỏng	x					x	
136	12	Đỗ Thị Tuế	Khu 15	TNLS (con)	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
137	13	Phạm Đình Đại	Khu 4	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
138	14	Nguyễn Văn Hải	Khu 8	TNLS (con)	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
139	15	Cao Thị Nhật	Khu 8	TNLS (Vợ)	Nhà bị hư hỏng	x					x	
140	16	Nguyễn Tiến Sự	Khu 3	CĐHH	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
141	17	Nguyễn Đình Châu	Khu 7	CĐHH	Nhà xuống cấp nặng	x				x		

142	18	Trịnh Duy Kỳ	Khu 7	CĐHH	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
143	19	Tô Thị Tư	Khu 7	TNLS (Vợ)	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
144	20	Cao Sơn Lung	Khu 9	TNLS (con)	Nhà bị hư hỏng	x					x	
145	21	Kiều Thị Hệ	Khu 9	TNLS (Vợ)	Nhà bị hư hỏng	x					x	
146	22	Nguyễn Hồng Quân	Khu 15	Thương binh	Nhà bị hư hỏng	x					x	
147	23	Dương Văn Triển	Khu 15	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
148	24	Cao Văn Khâm	Khu 10	CĐHH	Nhà bị hư hỏng	x					x	
149	25	Nguyễn Duy Linh	Khu 11	Bệnh binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
150	26	Phạm Văn Thành	Khu 12	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
Xã Bình Phú									21	7	14	
	Khu vực Bình Phú (cũ)									1	0	
151	1	Đào Duy Minh	Khu Ngọc	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
	Khu vực An Đạo (cũ)									4	13	
152	2	Lương Trọng Minh	Khu 1	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
153	3	Đỗ Văn Lân	Khu 1	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
154	4	Hoàng Ngọc Lâm	Khu 1	Thương binh	Hỏng mái	x					x	
155	5	Hoàng Ngọc Lan	Khu 8	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
156	6	Nguyễn Văn Đăng	Khu 9	Thương binh	Hỏng mái	x					x	
157	7	Đinh Văn Xuyên	Khu 9	Thương binh	Hỏng mái, hỏng tường	x					x	
158	8	Nguyễn Thị Cung	Khu 9	TNLS (Vợ)	Hỏng mái, hỏng tường	x					x	
159	9	Phạm Văn Mực	Khu 10	HHC	Hỏng mái	x					x	
160	10	Phùng Văn Dục	Khu 2	HHC	Hỏng mái	x					x	
161	11	Đỗ Văn Tập	Khu 2	Thương binh	Hỏng mái	x					x	
162	12	Lê Thị Minh Thai	Khu 4	Thương binh	Hỏng mái, hỏng tường	x					x	
163	13	Lê Thanh Nghị	Khu 6	TNLS (Bố)	Hỏng mái	x					x	
164	14	Vũ Thị Cơ	Khu 6	TNLS (Vợ)	Hỏng mái, hỏng tường	x					x	
165	15	Nguyễn Thị Sâm	Khu 6	TNLS (Vợ)	Hỏng mái	x					x	
166	16	Vũ Minh Sinh	Khu 6	Thương binh	Hỏng mái, hỏng tường	x					x	

167	17	Lê Quốc Ngữ	Khu 6	CĐHH	Hồng mái	x					x	
168	18	Nguyễn Thị Hạ	Khu 5	TNLS (Vợ)	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
	Khu vực Tiên Du (cũ)									2	1	
169	19	Trần Văn Vinh	Khu 4	Bệnh binh + Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
170	20	Đỗ Minh Phú	Khu 4	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
171	21	Trần Văn Chí	Khu 2	Thương binh	Hồng mái	x					x	
Xã Trạm Thản									2	1	1	
	Khu vực Trạm Thản (cũ)									1	1	
172	1	Mai Thị Nhân	Khu 2	HHC	Hồng mái, hồng tường	x					x	
173	2	Lương Văn Thang	Khu 3	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
Xã Dân Chủ									8	1	7	
	Khu vực Trị Quận (cũ)									0	2	
174	1	Hoàng Kim Thực	Khu 5	CĐHH	Hồng mái, hồng tường	x					x	
175	2	Nguyễn Xuân Đính	Khu 10	Bệnh binh + Thương binh	Hồng mái, hồng tường	x					x	
	Khu vực Hạ Giáp (cũ)									0	5	
176	3	Nguyễn Thị Đăng	Khu 1	TNLS (Vợ LS Hoàng Xuân Viên)	Hồng mái, hồng tường	x					x	
177	4	Trần Thị Thế	Khu 1	TNLS (Vợ LS Nguyễn Hữu Cầu)	Hồng mái, hồng tường	x					x	
178	5	Trần Văn Cừ	Khu 1	Thương binh	Hồng tường	x					x	
179	6	Nguyễn Thị Kiên	Khu 3	TNLS (Vợ LS Nguyễn Văn Thông)	Hồng mái, hồng tường	x					x	

180	7	Chu Thị Đệ	Khu 8	TNLS (Mẹ LS Nguyễn Văn Toán)	Hồng mái, hồng tường	x					x	
	Khu vực Bảo Thanh (cũ)									1	0	
181	8	Trần Ngọc Khánh	Khu 3	CĐHH	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
Xã Phù Ninh									8	4	4	
	Khu vực Phù Ninh (cũ)									0	2	
182	1	Nguyễn Hữu Khuyến	Khu 6	Thương binh	Hồng mái	x					x	
183	2	Ngô Văn Lượng	Khu 3	Thương, bệnh binh, CĐHH	Hồng mái, hồng tường	x					x	
	Khu vực Phong Châu (cũ)									2	2	
184	3	Nguyễn Văn Giới	Khu 2	Thương binh	Chưa có nhà	x				x		
185	4	Lương Thị Lượng	Khu 2	HHC	Hư hồng tường, nền nhà	x					x	
186	5	Nguyễn Thị Luận	Khu 7	TNLS (Vợ LS Trần Văn Các)	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
187	6	Nguyễn Văn Mận	Khu 7	CĐHH	Hư hồng tường, nền nhà	x					x	
	Khu vực Phú Lộc (cũ)									2	0	
188	7	Lê Tiến Dũng	Khu 7	Bệnh binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		Mua nhà đất từ 2003, đang làm thủ tục sang tên
189	8	Nguyễn Thị Thông	Khu 11	TNLS (Vợ)	Hồng mái, hồng tường	x				x		

Xã Phú Mỹ									6	3	3	
	Khu vực Lệ Mỹ (cũ)									1	0	
190	1	Nguyễn Văn Xuân	Khu 8	CĐHH	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
	Khu vực Phú Mỹ (cũ)									0	1	
191	2	Vũ Tiến Dũng	Khu 9	Thương binh	Nhà gỗ đã xuống cấp mái, nền	x					x	
	Khu vực Liên Hoa (cũ)									2	2	
192	3	Tạ Minh Hải	Khu 7	HHC	Hỏng mái	x					x	
193	4	Đặng Thị Dấu	Khu 7	Bệnh binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
194	5	Hà Ngọc Đễ	Khu 4	Thương binh	Hỏng mái	x					x	
195	6	Nguyễn Văn Hiếu	Khu 8	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
Xã Tam Nông									8	2	6	
	Khu vực Dân Quyền (cũ)									1	2	
196	1	Nguyễn Văn Sơn	Khu 10	Thương binh	Nhà hư hỏng, xuống cấp	x				x		
197	2	Ngô Hùng Tiến	Khu 9	Bệnh binh	Nhà hư hỏng mái và tường	x					x	
198	3	Phan Thị Huệ	Khu 15	TNLS (Con)	Nhà hư hỏng mái và tường	x					x	
	Khu vực Hương Nộn (cũ)									1	4	
199	4	Chu Thanh Hảo	Khu 2	Thương binh	Nhà C4, đã xuống cấp	x					x	
200	5	Chu Thị Nga	Khu 2	HĐKC	Nhà C4, đã xuống cấp	x					x	
201	6	Đỗ Kim Cương	Khu 6	CĐHH	Nhà C4, đã xuống cấp	x					x	
202	7	Nguyễn Công Sứ	Khu 6	Thương binh	Nhà C4, đã xuống cấp	x					x	
203	8	Phan Bá Hòa	Khu 9	HĐKC	Nhà C4, đã xuống cấp	x				x		
Xã Thọ Văn									7	5	2	
	Khu vực Thọ Văn (cũ)									0	1	

204	1	Dương Văn Lệ	Khu 2	Người có công	Nhà tạm bán kiên cố đang bị dột nát	x					x	
	Khu vực Dị Nậu (cũ)									5	1	
205	2	Tạ Công Phú	Khu 1	Thương binh	Đã xuống cấp	x					x	
206	3	Tạ Quang Hồng	Khu 3	Thương binh	Đã xuống cấp	x				x		
207	4	Tạ Diên Sự	Khu 4	Bệnh binh	Đã xuống cấp	x				x		
208	5	Tạ Thị Sách	Khu 4	TNLS (Vợ)	Đã xuống cấp	x				x		
209	6	Nguyễn Văn Viên	Khu 5	TNLS (Con)	Đã xuống cấp	x				x		
210	7	Tạ Diên Mai	Khu 8	Thương binh	Đã xuống cấp			x		x		
Xã Hiền Quan									6	2	4	
	Khu vực Bắc Sơn (cũ)									2	4	
211	1	Đỗ Bá Tước	Khu 3	Bệnh binh	Bị hư hỏng mái và tường, nền	x					x	
212	2	Lê Viết Khuê	Khu 3	HĐKC	Bị hư hỏng mái và tường, nền	x					x	
213	3	Lê Quang Chín	Khu 3	Thương binh	Bị hư hỏng mái và tường, nền	x				x		
214	4	Đình Viết Hùng	Khu 3	CĐHH	Bị hư hỏng mái và tường, nền	x					x	
215	5	Lê Xuân Thích	Khu 3	Thương binh	Bị hư hỏng mái và tường, nền	x				x		
216	6	Hoàng Văn Nghĩa	Khu 6	CĐHH	Bị hư hỏng mái và tường, nền	x					x	
Xã Vạn Xuân									2	0	2	
	Khu vực Vạn Xuân (cũ)									0	1	
217	1	Nguyễn Văn Hùng	Khu 16	TNLS (Vợ)	Bị hư hỏng mái và tường	x					x	
	Khu vực Lam Sơn (cũ)									0	1	
218	2	Nguyễn Hữu Thông	Khu 7	CĐHH	Mái hư hỏng, dột	x					x	

Xã Long Cốc									1	1	0	
	Khu vực Tam Thanh (cũ)									1	0	
219	1	Hà Văn Thành	Khu Vai	TNLS (Con)	Nhà gỗ đã xuống cấp	x				x		
Xã Thu Cúc									2	1	1	
	Khu vực Thu Cúc (cũ)									1	1	
220	1	Hà Trọng Việt	Khu Chiềng 2	Bệnh binh	Nhà xuống cấp nặng			x		x		
221	2	Hà Thị Rón	Khu Bận	TNLS (Vợ)	Nhà xây 2 gian mái lợp fipro, tường xây gạch sỉ, nền lán ba ta đã xuống cấp, diện tích 40m2			x			x	
Xã Liên Minh									20	14	6	
	Khu vực Đỗ Sơn (cũ)									4	1	
222	1	Nguyễn Quốc Toàn	Khu Đỗ Sơn 3	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
223	2	Hà Đình Che	Khu Đỗ Sơn 4	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
224	3	Đỗ Đức Chuộng	Khu Phương Nhuế	CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
225	4	Phùng Cao Độ	Khu Phương Nhuế	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
226	5	Tô Ngọc Chiến	Khu Phương Nhuế	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
	Khu vực Lương Lỗ (cũ)									10	5	
227	6	Nguyễn Văn Tiến	Khu 1	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
228	7	Nguyễn Văn Luận	Khu 1	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x				x		

229	8	Phùng Thị Lũ	Khu 1	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x				x		
230	9	Nguyễn Văn Bằng	Khu 1	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x				x		
231	10	Bùi Tiến Bộ	Khu 2	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
232	11	Bùi Trọng Lan	Khu 2	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x				x		
233	12	Lê Thanh Bình	Khu 2	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
234	13	Phạm Xuân Bính	Khu 2	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x				x		
235	14	Nguyễn Văn Tiếp	Khu 2	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
236	15	Đỗ Thị Đô	Khu 2	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x				x		
237	16	Nguyễn Thị Tịnh	Khu 2	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x				x		
238	17	Đào Thanh Lương	Khu 2	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
239	18	Lê Văn Quế	Khu 3	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
240	19	Lê Văn Diệt	Khu 4	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
241	20	Lê Thị Tân	Khu 6	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
Xã Thanh Ba									31	5	26	
	Khu vực Đồng Xuân (cũ)									3	12	
242	1	Trần Duy Tiến	Khu 2	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	

243	2	Bùi Văn Đốc	Khu 2	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
244	3	Nguyễn Thanh Mai	Khu 3	CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
245	4	Trần Thị Loan	Khu 3	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
246	5	Nguyễn Ngọc Dũng	Khu 3	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
247	6	Tô Bá Thanh	Khu 3	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
248	7	Nguyễn Ngọc Tiến	Khu 3	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
249	8	Nguyễn Đình Hùng	Khu 3	CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
250	9	Phan Chí Thành	Khu 3	CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
251	10	Hà Thanh Hòa	Khu 3	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
252	11	Trần Văn Thắng	Khu 3	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
253	12	Bùi Thị Kiều	Khu 3	TNLS (Mẹ)	Nhà ở xuống cấp	x				x		
254	13	Trịnh Quang Chiến	Khu 5	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
255	14	Hoàng Văn Đức	Khu 5	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
256	15	Nguyễn Văn Loan	Khu 2	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
	Khu vực Hanh Cù (cũ)									1	8	
257	16	Phùng Thị Từ	Khu 6	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
258	17	Nguyễn Văn Hoàn	Khu 7	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	

259	18	Phan Mạnh Cường	Khu 7	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
260	19	Nguyễn Tiến Lợi	Khu 7	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
261	20	Đỗ Huy Chương	Khu 12	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
262	21	Đỗ Văn Diệt	Khu 16	CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x				x		
263	22	Đỗ Công Thành	Khu 25	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
264	23	Nguyễn Việt Hòa	Khu 11	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
265	24	Đỗ Xuân Tích	Khu 12	CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
	Khu vực Thanh Ba (cũ)									1	6	
266	25	Nguyễn Hữu Chính	Khu 3	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
267	26	Nguyễn Thị Bích Tuyền	Khu 3	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
268	27	Trần Thị Thông	Khu 3	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
269	28	Lâm Văn Nghĩa	Khu 3	CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
270	29	Nguyễn Thị Dung	Khu 3	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
271	30	Phạm Minh Thông	Khu 3	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
272	31	Khúc Thị Mỹ	Khu 9	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x				x		
Xã Đông Thành									14	2	12	
	Khu vực Võ Lao (cũ)									1	4	
273	1	Nguyễn Xuân Thuồng	Khu 6	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	

274	2	Nguyễn Thị Lại	Khu 7	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
275	3	Nguyễn Đức Hùng	Khu 7	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
276	4	Lê Thị Oanh	Khu 3	TNLS (Con)	Nhà ở xuống cấp	x				x		
277	5	Chu Thị Giáp	Khu 1	TNLS (Con)	Nhà ở xuống cấp	x					x	
	Khu vực Khải Xuân (cũ)									0	6	
278	6	Nguyễn Văn Tồn	Khu 11	CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
279	7	Triệu Thị Tý	Khu 11	Tuất Liệt sỹ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
280	8	Lê Thị Thân	Khu 5	Tuất Liệt sỹ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
281	9	Bùi Văn Vũ	Khu 5	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
282	10	Ngô Đình Kỷ	Khu 5	Thân nhân Liệt sỹ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
283	11	Nguyễn Khắc Kế	Khu 5	Thân nhân Liệt sỹ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
	Khu vực Đông Thành (cũ)									1	2	
284	12	Đỗ Văn Phúc	Khu 2	CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
285	13	Vi Xuân Triệu	Khu 7	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
286	14	Vi Văn Bình	Khu 9	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
Xã Hoàng Cương									21	8	13	
	Khu vực Hoàng Cương (cũ)									2	1	
287	1	Nguyễn Thanh Nghị	Khu 10	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
288	2	Nguyễn Đình Huyền	Khu 12	CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x				x		
289	3	Nguyễn Quốc Oai	Khu 10	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x				x		

	Khu vực Ninh Dân (cũ)									4	8	
290	4	Trương Công Định	Khu 1	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
291	5	Vì Thị Hồng	Khu 2	Thân nhân Liệt sỹ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
292	6	Nguyễn Đình Thúy	Khu 3	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x				x		
293	7	Nguyễn Văn Phú	Khu 4	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
294	8	Nguyễn Văn Tôn	Khu 4	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x				x		
295	9	Ngô Thị Thanh	Khu 5	TNLS	Nhà ở xuống cấp	x					x	
296	10	Nguyễn Văn Đô	Khu 9	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
297	11	Trần Việt Phúc	Khu 10	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
298	12	Nguyễn Tiến Thọ	Khu 10	TNLS	Nhà ở xuống cấp	x					x	
299	13	Trần Thị Sợi	Khu 10	TNLS	Nhà ở xuống cấp	x					x	
300	14	Nguyễn Khắc Quang	Khu 10	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
301	15	Mè Xuân Hội	Khu 11	CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x				x		
	Khu vực Mạn Lạn (cũ)									2	4	
302	16	Đào Thị Phòng	Khu Thống Nhất	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x				x		
303	17	Hà Minh Thanh	Khu Phố Ẽn	Thương binh, CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x				x		
304	18	Nguyễn Đức Hùng	Khu Phố Ẽn	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
305	19	Phùng Thị Lâm	Khu Liên Hà	Thân nhân Liệt sỹ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
306	20	Trần Hữu Bình	Khu Vũ Yên	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	

307	21	Bùi Đăng Quân	Khu Thống Nhất	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
Xã Chí Tiên									21	6	15	
	Khu vực Chí Tiên (cũ)									6	15	
308	1	Chu Văn Xuân	Khu 1	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
309	2	Nguyễn Văn Thao	Khu 1	Thương, bệnh binh		x					x	
310	3	Bùi Văn Thái	Khu 2	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
311	4	Vũ Quang Cẩm	Khu 3	Thương, bệnh binh		x				x		
312	5	Trần Đình Xuân	Khu 3	Thương, bệnh binh		x				x		
313	6	Trần Đình Minh	Khu 3	Thương, bệnh binh		x					x	
314	7	Phạm Thị Chiêu	Khu 3	Thương, bệnh binh		x					x	
315	8	Nguyễn Xuân Quyền	Khu 3	Thương, bệnh binh		x					x	
316	9	Hà Thị Thanh	Khu 4	Tuất Liệt sỹ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
317	10	Trần Hồng Tâm	Khu 5	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
318	11	Hà Khắc Hòa	Khu 5	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
319	12	Nguyễn Tiến Mai	Khu 5	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
320	13	Hoàng Quốc Lầu	Khu 5	CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
321	14	Nguyễn Xuân Hồng	Khu 6	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
322	15	Nguyễn Thị Dậu	Khu 6	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
323	16	Vũ Thị Tính	Khu 7	Tuất Liệt sỹ	Nhà ở xuống cấp	x					x	

324	17	Phạm Quang Hoàn	Khu 7	Thương, bệnh binh		x				x		
325	18	Đỗ Văn Giao	Khu 7	Thương, bệnh binh		x					x	
326	19	Nguyễn Xuân Khiết	Khu 8	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
327	20	Lăng Công Tráng	Khu 9	Thương, bệnh binh						x		
328	21	Đỗ Thị Mai Tăng	Khu 9	Tuất Liệt sỹ		x				x		
Xã Quảng Yên									11	1	10	
	Khu vực Đại An (cũ)									1	10	
329	1	Nguyễn Thị Đũi	Khu 8	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
330	2	Trần Thiện Vân	Khu 2	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
331	3	Nguyễn Tiến Hùng	Khu 2	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
332	4	Thân Văn Ninh	Khu 2	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
333	5	Trần Văn Đạt	Khu 2	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
334	6	Nguyễn Văn Hòa	Khu 2	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
335	7	Lê Thị Nhật	Khu 3	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
336	8	Hồ Thị Bê	Khu 3	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
337	9	Hà Thị Vĩnh	Khu 4	Thân Nhân Liệt sỹ	Nhà ở xuống cấp	x					x	

338	10	Hà Đức Yên	Khu 5	Thân nhân Liệt sỹ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
339	11	Nguyễn Xuân Trường	Khu 5	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
Xã Võ Miếu									4	1	3	
	Khu vực Cự Thẳng (cũ)									1	0	
340	1	Đinh Thị Lua	Khu 1	Người HĐKC có HHC	Nhà xây đã 40 năm lợp ngói đã mục nát	x				x		
	Khu vực Địch Quả (cũ)									0	1	
341	2	Hà Văn Dy	Khu Muôi	Người HĐKC có HHC	nhà cấp 4 đã xuống cấp	x					x	
	Khu vực Võ Miếu (cũ)									0	2	
342	3	Trương Thị Khiết	Khu Tân Bình	TNLS (Vợ)	Hồng tường, mái	x					x	
343	4	Hà Thị Điền	Khu Bành	TNLS (Vợ)	Hồng tường, mái	x					x	
Xã Cự Đồng									3	0	3	
	Khu vực Tắt Thẳng (cũ)									0	1	
344	1	Nguyễn Thị Thảo	Khu 1	Mẹ Liệt sĩ	Nhà xây cấp 4 đã lâu, hiện nay phần tường, phần mái hư hỏng	x					x	
	Khu vực Cự Đồng (cũ)									0	1	
345	2	Dương Thị Mai	Khu Kim Thịnh	TNLS (Vợ)	Nhà xây đã lâu, hiện tại xuống cấp, bị thấm dột, nứt tường	x					x	
	Khu vực Thẳng Sơn (cũ)									0	1	
346	3	Đinh Thị Sảo	Khu Giếng Ống	Huân huy chương KC	Nhà cấp 4 xây lâu, mái lợp ngói đã xuống cấp	x					x	
Xã Văn Miếu									2	1	1	
	Khu vực Tân Lập (cũ)									0	1	
347	1	Đặng Đức Huệ	Khu Chằm 2	Thương binh	Nhà gỗ lợp ngói	x					x	

	Khu vực Tân Minh (cũ)									1	0	
348	2	Đình Văn Xuân	Khu Mang Bão	Thân nhân liệt sỹ (TNLS (Con) Đình Văn Tro)	Nhà lợp mái bờ rô, tường một nửa làm bằng gỗ tạp, 1 nửa quây bằng bạt, cột nhà làm bằng gỗ tạp, nền lát gạch hoa hiện trạng nhà ở đã xuống cấp	x				x		
Xã Yên Sơn									1	1	0	
	Khu vực Yên Sơn (cũ)									1	0	
349	1	Đình Thị Kỳ	Khu Von Mỏ	TNLS (con)	Nhà vách cốt tre, trát xi măng cát, mái lợp Phiproximãng trên 10 năm nay đã dột nát	x				x		
Xã Khả Cửu									4	3	1	
	Khu vực Khả Cửu (cũ)									1	0	
350	1	Đình Văn Trường	Khu Hấm	Thương binh	Nhà xây cấp 4 đã xuống cấp	x				x		
	Khu vực Đông Cửu (cũ)									2	0	
351	2	Trần Văn Trường	Khu Vừn Muống	TNLS (Con)	Nhà tạm	x				x		
352	3	Hà Hồng Quân	Khu Dọc	Bệnh binh	Nhà tạm	x				x		
	Khu vực Thượng Cửu (cũ)									0	1	
353	4	Hà Văn Cường	Khu Tu Chạn	Thương binh, CĐHH (F1), Địch bắt tù đầy	Nhà cấp 4 lợp Fiproximãng hơn 10 năm, tường nhà, bằng ván đã lâu .	x					x	
Xã Tu Vũ									11	4	7	
	Khu vực Đồng Trung (cũ)									3	5	
354	1	Nguyễn Thị Hộ	Khu 6	CĐHH	Dột nát	x				x		

355	2	Nguyễn Tiến An	Khu 6	TB	Hư hỏng	x					x	
356	3	Nguyễn Công Chính	Khu 8	CĐHH	Hư hỏng	x					x	
357	4	Đào Thị Hạt	Khu 10	Vợ LS	Hư hỏng	x					x	
358	5	Bùi Quang Thuận	Khu 12	TB	Dột nát	x				x		
359	6	Tăng Văn Tuất	Khu 6	HĐKC	Hư hỏng	x					x	
360	7	Bùi Quang Diên	Khu 12	BB	Dột nát	x				x		
361	8	Nguyễn Văn Ngôn	Khu 9	CĐHH	Hư hỏng	x					x	
	Khu vực Tu Vũ (cũ)									0	2	
362	9	Hà Huy Toàn	Khu 17	TNLS	Hư hỏng	x					x	
363	10	Nguyễn Thị Chín	Khu 3	TNLS	Hư hỏng	x					x	
	Khu vực Hoàng xá (cũ)									1	0	
364	11	Phạm Hữu Vị	Khu 3	HĐKC	Dột nát	x				x		
Xã Thanh Thủy									3	2	1	
	Khu vực Sơn Thủy (cũ)									2	1	
365	1	Nguyễn Thị Nhân	Khu 8	TNLS	Dột nát		x			x		
366	2	Hà Quang Diễm	Khu 4	TNLS	Dột nát	x				x		
367	3	Trần Thị Động	Khu 7	TB	Hư hỏng	x					x	
Xã Đào Xá									22	8	14	
	Khu vực Tân Phương (cũ)									0	4	
368	1	Nguyễn Văn Thìn	Khu 5	BB	Hư hỏng	x					x	
369	2	Đỗ Ngọc Lan	Khu 7	TB	Hư hỏng	x					x	
370	3	Đỗ Công Chất	Khu 2	BB	Hư hỏng	x					x	
371	4	Nguyễn Thị Diễm	Khu 2	TB	Hư hỏng	x					x	
	Khu vực Thạch Đồng (cũ)									1	3	
372	5	Đào Thị Vui	Khu 5	HĐKC	Dột nát	x				x		
373	6	Hoàng Thị Đảng	Khu 7	HĐKC	Hư hỏng	x					x	
374	7	Nguyễn Thị Mộng	Khu 1	TNLS	Hư hỏng	x					x	
375	8	Nguyễn Văn Cống	Khu 8	TB, BB	Hư hỏng	x					x	

	Khu vực Xuân Lộc (cũ)									6	6	
376	9	Nguyễn Văn Hội	Khu 5	TB	Hư hỏng	x					x	
377	10	Nguyễn Văn Đạo	Khu 5	BB	Hư hỏng	x					x	
378	11	Nguyễn Văn Diệt	Khu 3	TNLS	Dột nát	x				x		
379	12	Nguyễn Thị Nghiêm	Khu 3	Con LS	Dột nát	x				x		
380	13	Trần Thị Dậu	Khu 3	HĐKC	Dột nát	x					x	
381	14	Lê Hữu Hán	Khu 3	BB	Hư hỏng	x					x	
382	15	Bùi Văn Cầu	Khu 5	TB	Hư hỏng	x					x	
383	16	Đỗ Văn Minh	Khu 5	CĐHH	Hư hỏng	x				x		
384	17	Bùi Văn Sơn	Khu 5	CĐHH	Dột nát	x				x		
385	18	Nguyễn Thị Trần	Khu 5	TNLS	Dột nát	x				x		
386	19	Đặng Trọng Kiên	Khu 5	BB	Dột nát	x				x		
387	20	Nguyễn Văn Cúc	Khu 8	TB	Hư hỏng	x					x	
	Khu vực Đào Xá (cũ)									1	1	
388	21	Nguyễn Xuân Thiện	Khu 13	Bệnh binh	Hư hỏng	x					x	
389	22	Bùi Thị Sang	Khu 10	Tuất LS	Dột nát			x		x		
Xã Sơn Lương									1	1	0	
	Khu vực Mỹ Lương (cũ)									1	0	
390	1	Hà Văn Mai	Đức Xuân	TNLS (Con)	Nhà gỗ mái lợp phiblo xi măng			x		x		
Xã Tây Cốc									27	1	26	
	Khu vực Ca Đình (cũ)									0	3	
391	1	Lưu Thị Hương	Khu 2	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
392	2	Phạm Thị Mạc	Khu 2	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
393	3	Nguyễn Minh Thành	Khu 4	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
	Khu vực Phú Lâm (cũ)									1	3	

394	4	Phạm Quang Thắng	Chợ Ngà	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
395	5	Nguyễn Hoàng Ngôn	Hùng Phú	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
396	6	Nguyễn Văn Định	Việt Hùng 1	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
397	7	Lê Văn Mão	Tây Mỗ 2	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
	Khu vực Tây Cốc (cũ)									0	20	
398	8	Đào Quang Tạo	Khu Phúc Thịnh	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
399	9	Nguyễn Minh Chính	Khu Tân Long	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
400	10	Nguyễn Duy Dân	Khu Thái Hà	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
401	11	Vũ Quốc Vinh	Khu Phố	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
402	12	Lê Văn Phú	Khu Tập Kết	TT nhiễm CDHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
403	13	Nguyễn Văn Ngừng	Khu Hợp Lai	TT nhiễm CDHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
404	14	Trần Hồng Sơn	Khu Hợp Lai	TT nhiễm CDHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
405	15	Ma Văn Tình	Khu Hợp Lai	Bệnh Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
406	16	La Thị Mạc	Khu Tân Long	Mẹ liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
407	17	Đào Quang Tổ	Khu Phúc Khuê	Bệnh Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
408	18	Bùi Duy Hiến	Khu Phố	Con liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
409	19	Nguyễn Văn Bắc	Khu Thái Hà	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
410	20	Nguyễn Thị Nhiên	Khu Phúc Đình	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
411	21	Phạm Văn Quang	Khu Phố	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	

412	22	Nguyễn Thị Hiền	Khu Phúc Thịnh	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
413	23	Lý Tiến Độ	Khu Phố	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
414	24	Nguyễn Văn Tổng	Khu Phố	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
415	25	Đinh Thị Tuất	Khu Phố	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
416	26	Bùi Thị Lộc	Khu Vân Hùng	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
417	27	Nguyễn Thị Đào	Khu Phố	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
Xã Chí Đám									45	13	32	
	<i>Khu vực Chí Đám (cũ)</i>									<i>1</i>	<i>3</i>	
418	1	Nguyễn Hữu Thọ	Lã Hoàng 2	Bệnh Binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
419	2	Phạm Văn Thành	Lã Hoàng 2	Con liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
420	3	Đàm Xuân Quý	Ngọc Chúc 3	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
421	4	Nguyễn Thị Mão	Tân Minh	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
	<i>Khu vực Hùng Xuyên (cũ)</i>									<i>12</i>	<i>29</i>	
422	5	Bùi Tiến Hoà	Khu Song Phượng 1	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
423	6	Lê Đức Thịnh	Khu Song Phượng 1	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
424	7	Vương Toàn Ngọc	Khu Đông Dương	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
425	8	Phạm Hồng Bạch	Khu Minh Giang Sơn	TT nhiễm CDHH	Nhà ở xuống cấp	x				x		
426	9	Nguyễn Thị Hà	Khu Minh Giang Sơn	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x				x		

427	10	Phùng Văn Thống	Khu Vĩnh Lại	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x				x		
428	11	Trần Thị Thành	Khu Song Phượng 2	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x				x		
429	12	Nguyễn Công Ích	Khu Đoàn Kết	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x				x		
430	13	Vũ Quang Chung	Khu Đoàn Kết	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x				x		
431	14	Bùi Thị Vinh	Khu Song Phượng 1	Con Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
432	15	Bùi Hồng Khuê	Khu Song Phượng 2	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x				x		
433	16	Trần Thị Khánh	Khu Thượng Khê	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x				x		
434	17	Lê Văn Đích	Khu Thượng Khê	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
435	18	Đỗ Quang Liêu	Khu Thượng Khê	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
436	19	Vũ Văn Bình	Khu Lạp Xuyên	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
437	20	Nguyễn Quang Đáp	Khu Lạp Xuyên	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
438	21	Nguyễn Văn Thuận	Khu Hồng Minh	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
439	22	Trần Văn Tại	Khu Song Phượng 1	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
440	23	Lê Hồng Vân	Khu Đông Tiệm	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
441	24	Nguyễn Tiến Thịnh	Khu Đông Tiệm	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	

442	25	Bùi Tiến Hùng	Khu Song Phượng 2	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
443	26	Nguyễn Công Ký	Khu Nhà Hóp	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
444	27	Trần Hữu Thắng	Khu Nhà Hóp	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
445	28	Nguyễn Ngọc Bàn	Khu Thượng Khê	Bệnh Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
446	29	Nguyễn Đức Phong	Khu Cáo Sóc	Bệnh Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
447	30	Bùi Công Khanh	Khu Cáo Sóc	Bệnh Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
448	31	Doãn Văn Thế	Khu Vĩnh Lại	Bệnh Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
449	32	Lưu Khắc Định	Khu Nhà Hóp	Bệnh Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
450	33	Lương Mạnh Hà	Khu Cáo Sóc	TT Nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
451	34	Nguyễn Văn Tường	Khu Cáo Sóc	TT Nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
452	35	Nguyễn Xuân Cương	Khu Lạp Xuyên	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
453	36	Hà Văn Cát	Khu Cáo Sóc	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
454	37	Hoàng Thị Khắc	Khu Vĩnh Lại	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
455	38	Nguyễn Minh Duyên	Khu Vĩnh Lại	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
456	39	Nguyễn Đức Hải	Khu Vĩnh Lại	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
457	40	Hoàng Thị Minh Huệ	Khu Hùng Quan	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
458	41	Tạ Thị Cảnh	Khu Song Phượng 2	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
459	42	Lê Đình Thi	Khu Nhà Hóp	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	

460	43	Hà Công Nhân	Khu Nhà Hóp	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
461	44	Trần Mạnh Hùng	Khu Nhà Hóp	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
462	45	Vũ Thị Lợi	Khu Nhà Hóp	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
Xã Chân Mộng									67	14	53	
	Khu vực Chân Mộng (cũ)									9	7	
463	1	Đặng Minh Hán	Xã Chân Mộng	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
464	2	Trịnh Xuân Đường	Xã Chân Mộng	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
465	3	Hoàng Văn Thế	Xã Chân Mộng	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
466	4	Dương Công Nguyên	Xã Chân Mộng	Con liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x						x
467	5	Nguyễn Đình Kiểm	Khu 1	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x						x
468	6	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Khu 5	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
469	7	Nguyễn Thị Tình	Khu 6	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
470	8	Nguyễn Văn Tuấn	Khu 2 Vụ Quang cũ	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x						x
471	9	Vũ Văn Lai	Khu 3	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
472	10	Vũ Văn Tại	Khu 3	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x						x
473	11	Sái Văn Nhâm	Khu 6 Vụ Quang cũ	HDDKC	Nhà ở xuống cấp	x					x	
474	12	Nguyễn Hồng Cường	Khu 6	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x						x
475	13	Nguyễn Văn Điển	Khu 8	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x						x

476	14	Ngô Thị Thanh	Khu 6	TNLS (con)	Nhà ở xuống cấp	x				x		
477	15	Nguyễn Đình Thêm	Khu 5	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
478	16	Nguyễn Quang Phụng	Khu 6	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
	Khu vực Yên Kiện (cũ)									3	23	
479	17	Nguyễn Thế Phương	Khu 4 - Yên Kiện	TB + BB	Nhà ở xuống cấp	x				x		
480	18	Nguyễn Thị Hương	Khu 1 - Yên Kiện	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
481	19	Đỗ Thị Biên	Khu 1 - Yên Kiện	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
482	20	Đinh Văn Vượng	Khu 2 - Yên Kiện	TB+CDHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
483	21	Nguyễn Huy Long	Khu 2 - Yên Kiện	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
484	22	Nguyễn Trường Sơn	Khu 3 - Yên Kiện	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
485	23	Nguyễn Tiến Thành	Khu 3 - Yên Kiện	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
486	24	Đào Thị Nga	Khu 3 - Yên Kiện	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
487	25	Trương Văn Luân	Khu 4 - Yên Kiện	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
488	26	Trần Sỹ Tổ	Khu 4 - Yên Kiện	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
489	27	Nguyễn Đình Yên	Khu 4 - Yên Kiện	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
490	28	Nguyễn Văn Chi	Khu 4 - Yên Kiện	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	

491	29	Hoàng Đức Quân	Khu 5 - Yên Kiện	Cán bộ TKN	Nhà ở xuống cấp	x					x	
492	30	Tổng Thị Ty	Khu 5 - Yên Kiện	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
493	31	Nguyễn Thị Hương	Khu 7 - Yên Kiện	Vợ liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
494	32	Sầm Thị An	Khu 8 - Yên Kiện	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
495	33	Lý Quang Minh	Khu 7 - Yên Kiện	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
496	34	Đinh Thị Viết	Khu 1 - Minh Tiến	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
497	35	Nguyễn Trung Thành	Khu 1 - Minh Tiến	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
498	36	Chu Văn Hòa	Khu 1 - Minh Tiến	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
499	37	Bùi Văn Việt	Khu 3 - Minh Tiến	Con liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
500	38	Chu Văn Tụ	Khu 3 - Minh Tiến	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
501	39	Hoàng Văn Cường	Khu 3 - Minh Tiến	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
502	40	Đỗ Văn Phác	Khu 4 - Minh Tiến	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
503	41	Đỗ Ngọc Thông	Khu 4 - Minh Tiến	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
504	42	Bùi Văn Thụ	Khu 4 - Tiêu Sơn	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
	Khu vực Hùng Long (cũ)									2	23	

505	43	Vũ Quý Tửu	Khu 2 - Hùng Long	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
506	44	Hoàng Văn Hợi	Khu 11 - Hùng Long	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x				x		
507	45	Đinh Hùng Cường	Khu 8 - Hùng Long	TB+CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
508	46	Nguyễn Công Hướng	Khu 5 - Hùng Long	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
509	47	Vũ Hữu Lịch	Khu 3 - Hùng Long	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
510	48	Nguyễn Đình Hộ	Khu 4 - Hùng Long	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
511	49	Vũ Ngọc Ánh	Khu 2 - Hùng Long	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
512	50	Nguyễn Văn Nga	Khu 3 - Hùng Long	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
513	51	Lý Công Tôn	Khu 1 - Hùng Long	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
514	52	Nguyễn Thị Lũy	Khu 4 - Hùng Long	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
515	53	Nguyễn Văn Cừ	Khu 1 - Hùng Long	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
516	54	Đinh Văn Cương	Khu 8 - Hùng Long	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
517	55	Trần Văn Ngà	Khu 3 - Hùng Long	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
518	56	Nguyễn Xuân Thê	Khu 8- Hùng Long	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
519	57	Hoàng Ngọc Vượng	Khu 1 - Hùng Long	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	

520	58	Bùi Văn Chính	Khu 3 - Hùng Long	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
521	59	Hoàng Trọng Khả	Khu 10 - Hùng Long	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
522	60	Đoàn Kim Thiều	Khu 11 - Hùng Long	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
523	61	Nguyễn Thị Nghiêm	Khu 4 - Hùng Long	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
524	62	Trần Xuân Mẫn	Khu 4 - Hùng Long	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
525	63	Nguyễn Văn Âu	Khu 3 - Hùng Long	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
526	64	Nguyễn Thị Tờ	Khu 3 - Hùng Long	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
527	65	Đoàn Thị Hường	Khu 3 - Vân Đồn	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
528	66	Nguyễn Đắc Lũng	Khu 3 - Vân Đồn	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
529	67	Đình Công Nguyên	Khu 3 - Yên Kiện (Đ/c Khu 5 - Tiêu Sơn theo Đề án)	Bệnh Binh	Nhà ở xuống cấp		x				x	
Xã Đoan Hùng									109	45	64	
	Khu vực Đoan Hùng (cũ)									9	7	
530	1	Hoàng Văn Hới	Khu 2	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
531	2	Phạm Thị Dư	Khu 6	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
532	3	Lê Thị Loan	Khu 1	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	

533	4	Nguyễn Văn Đức	Khu 8	TT nhiễm CDHH	Nhà ở xuống cấp	x				x		
534	5	Vũ Thị Lạc	Khu 5	Vợ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
535	6	Nguyễn Văn Nguu	Khu 6	Bố Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
536	7	Phạm Thị Chuôm	Khu 6	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x				x		
537	8	Cao Xuân Thu	Khu 6	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
538	9	Chu Minh Tiến	Khu 6	TT nhiễm CDHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
539	10	Nguyễn Văn Giang	Khu 9	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
540	11	Nguyễn Thị Thung	Khu 6	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
541	12	Đỗ Văn Giảng	Khu Phú Thịnh	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
542	13	Nguyễn Văn Chi	Khu Dầu Lô	TT nhiễm CDHH	Nhà ở xuống cấp	x				x		
543	14	Lê Thị Cơ	Khu Dầu Lô	Vợ liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
544	15	Nguyễn Hoàng Học	Khu Dầu Lô	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
545	16	Cù Ngọc Hải	Khu Phú Thịnh	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
		Khu vực Hợp Nhất (cũ)								32	33	
546	17	Nguyễn Minh Tuấn	Khu Đồng Thịnh	Con Liệt Sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
547	18	Hoàng Văn Nguyên	Khu Thống Nhất	TT nhiễm CDHH	Nhà ở xuống cấp	x				x		
548	19	Ngô Ngọc Nghiên	Khu Thống Nhất	TT nhiễm CDHH	Nhà ở xuống cấp	x				x		
549	20	Chu Thị Thiện	Khu Vân Cương 2	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x				x		

550	21	Nguyễn Văn Đình	Khu Vân Cương 2	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x				x		
551	22	Nguyễn Văn Nung	Khu Tiền Phong	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x				x		
552	23	Nguyễn Văn Thắng	Khu Tân Thành	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
553	24	Nguyễn Đình Ngự	Khu Nghĩa Khê	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
554	25	Phan Văn Lãng	Khu Thống Nhất	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
555	26	Phan Văn Hồng	Khu Tiền Phong	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x				x		
556	27	Cao Văn Tiên	Khu Sông Lô	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x				x		
557	28	Nguyễn Thị Sửu	Khu Liên Phương	Vợ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
558	29	Nguyễn Thị Diễm	Khu Đại Hội	Vợ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
559	30	Vũ Thị Nhật	Khu Đại Hội	Con Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
560	31	Nguyễn Văn Kha	Khu Nghĩa Khê	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x				x		
561	32	Hà Đức Thụ	Khu Tiền Phong	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
562	33	Nguyễn Như Tăng	Khu Nghĩa Khê	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x				x		
563	34	Vũ Thị Mạc	Khu Hữu Đô 2	Vợ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
564	35	Nguyễn Thị Đào	Khu Nghĩa Khê	Mẹ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
565	36	Nguyễn Thị Tý	Khu Dân Chủ	Mẹ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		

566	37	Cao Thị Quyền	Khu Tiền Phong	Vợ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
567	38	Nguyễn Thị Nga	Khu Sông Lô	Vợ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
568	39	Ngô Thị Định	Khu Nghĩa Khê	Vợ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
569	40	Nguyễn Văn Ngư	Khu Tân Thành	Con Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
570	41	Cao Thị Vệ	Khu Vân Cương 2	Vợ liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
571	42	Nguyễn Hải Đường	Khu Hữu Đô 2	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
572	43	Nguyễn Văn Yên	Khu Hữu Đô 2	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
573	44	Nguyễn Tân Nhật	Khu Hữu Đô 1	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
574	45	Nguyễn Văn Bàn	Ku Nghĩa Khê	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
575	46	Nguyễn Văn Áo	Khu Liên Hợp	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
576	47	Nguyễn Ngọc San	Khu Hữu Đô 2	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
577	48	Nguyễn Văn Lê	Khu Nghĩa Khê	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
578	49	Bùi Xuân Thước	Khu Hố Xanh	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
579	50	Phạm Văn Vĩnh	Khu Vân Cương 1	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
580	51	Nguyễn Văn Khắc	Khu Vân Cương 1	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
581	52	Nguyễn Văn Dân	Khu Liên Hợp	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	

582	53	Nguyễn Văn Quang	Khu Liên Hợp	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
583	54	Nguyễn Xuân Cử	Khu Liên Hợp	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
584	55	Nguyễn Thị Hào	Khu Liên Hợp	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
585	56	Nguyễn Quốc Thành	Khu Nghĩa Khê	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
586	57	Hà Nghi	Khu Làng Vải	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
587	58	Nguyễn Văn Hợp	Khu Hố Xanh	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
588	59	Nguyễn Thị Đáng	Khu Vân Cương 2	Mẹ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
589	60	Vũ Thị Tuyết	Khu Hữu Đô 2	Vợ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
590	61	Trần Thị Dung	Khu Đồng Thịnh	Vợ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
591	62	Vũ Thị Vát	Khu Tân Thành	Con Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
592	63	Vũ Xuân Khôi	Khu Dân Chủ	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
593	64	Nguyễn Trung Tiến	Khu Đồng Thịnh	Thương Binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
594	65	Nguyễn Thị Vĩnh	Khu Sông Lô	Vợ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
595	66	Nguyễn Thị Dầu	Khu Sông Lô	Mẹ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
596	67	Nguyễn Thị Vãn	Khu Đại Hội	Vợ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
597	68	Lê Thị Nhận	Khu Nghĩa Khê	Vợ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
598	69	Trần Thị Hợi	Khu Hố Xanh	Vợ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	

599	70	Ngô Thị Mai	Khu Hữu Đô 3	Vợ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
600	71	Nguyễn Thị Chi	Khu Vaân Cương 2	Mẹ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
601	72	Nguyễn Thị My	Khu Liên Hợp	Mẹ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
602	73	Nguyễn Hữu Miinh	Khu Hữu Đô 2	Con Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
603	74	Trần Thị Hợi	Khu Hố Xanh	Vợ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
604	75	Hà Thị Liệu	Khu Nhữa Khê	Mẹ Liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
605	76	Hà Quốc Trang	Khu Liên Phương	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x				x		
606	77	Vũ Quang Hải	Khu Đại Hội	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
607	78	Vũ Kim Tuyền	Khu Dân Chủ	Chất độc hóa học	Nhà ở xuống cấp	x				x		
608	79	Ngô Văn Nghiêm	Khu Thống Nhất	Chất độc hóa học	Nhà ở xuống cấp	x				x		
609	80	Nguyễn Hữu Tần	Khu Hữu Đô 2	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
610	81	Hà Ngọc Bang	Khu Làng Vải	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
	Khu vực Ngọc Quan (cũ)									4	24	
611	82	Nguyễn Hồng Thái	Khu 6	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
612	83	Nguyễn Thị Lai	Khu 11	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x				x		
613	84	Nguyễn Xuân Hưu	Khu 4	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
614	85	Nguyễn Văn Sơn	Khu 3	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
615	86	Trần Viết Hùng	Khu 8	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
616	87	Lê Hoài Chi	Khu 11	Bệnh binh-CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	

617	88	Hoàng Thế Chung	Khu 2	TT nhiễm CDHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
618	89	Đới Văn Hỷ	Khu 1	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
619	90	Đinh Văn Phú	Khu 1	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
620	91	Phạm Thị Mừng	Khu 6	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
621	92	Nguyễn Quang Đạo	Khu 9	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
622	93	Đinh Thị Cương	Khu 11	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
623	94	Hoàng Xuân Thuận	Khu 13	TT nhiễm CDHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
624	95	La Văn Quang	Khu 8	TT nhiễm CDHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
625	96	Lục Văn Đệ	Khu 13	TT nhiễm CDHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
626	97	Nguyễn Thị Thìn	Khu 13	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
627	98	Đào Thị Gạo	Khu 13	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
628	99	Vì Thị Lượ	khu 13	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
629	100	Lục Văn Sinh	khu 8	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
630	101	Nguyễn Văn Sơn	khu 3	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
631	102	Đào Văn Phúc	khu 6	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
632	103	Trần Đức Thành	khu 13	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	

633	104	Vi Văn Tuấn	khu 6	Thương binh- BB	Nhà ở xuống cấp	x					x	
634	105	Chu Đức Thành	khu 8	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
635	106	Nguyễn Văn Đoàn	khu 8	TT nhiễm CDHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
636	107	Nguyễn Văn Lộc	khu 1	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
637	108	Nguyễn Văn Sự	khu 3	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
638	109	Hán Thanh (văn) Thản	Khu 7	Thương binh- CDHH	Nhà ở xuống cấp	x				x		
Xã Bằng Luân									26	8	18	
	Khu vực Bằng Luân (cũ)									7	0	
639	1	Trương Văn Cường	Khu 4	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
640	2	Phan Văn Cường	Khu 10	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
641	3	Đặng Văn Thế	Khu 12	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
642	4	Lê Thanh Sơn	Khu 7	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
643	5	Vũ Thị Thu Hiền	Khu 7	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
644	6	Đỗ Xuân Mùi	Khu 11	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
645	7	Phạm Văn Tuế	Khu 7	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x				x		
	Khu vực Phúc Lai (cũ)									1	1	
646	8	Trần Thị Sen	Khu 3	Vợ liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
647	9	Đỗ Thị Thứ	Khu 2	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
	Khu vực Bằng Doãn (cũ)									0	17	
648	10	Đình Văn Việt	Khu 4	TT nhiễm CDHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
649	11	Nguyễn Thị Chiên	Khu 4	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	

650	12	Nguyễn Thị Soạn	Khu 3	Vợ liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
651	13	Nguyễn Văn Thắng	Khu 1	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
652	14	Phan Văn Đường	Khu 4	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
653	15	Nguyễn Văn Thiệu	Khu 7	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
654	16	Nguyễn Văn Trị	Khu 4	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
655	17	Nguyễn Văn Dư	Khu 2	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
656	18	Lê Xuân May	Khu 6	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
657	19	Trần Xuân Hoạch	Khu 3	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
658	20	Nguyễn Văn Duyên	Khu 1	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
659	21	Vũ Hồng Thiệp	Khu 2	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
660	22	Nguyễn Hữu Ninh	Khu 2	TT nhiễm CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	
661	23	Lương Thị Tuyết	Khu 5	Vợ liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
662	24	Nguyễn Văn Tĩnh	Khu 1	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
663	25	Đặng Văn Tấn	Khu 5	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
664	26	Nguyễn Đức Lộc	Khu 7	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
Tổng cộng									664	232	432	

Phụ lục 04**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP BỔ SUNG VÀO ĐỀ ÁN HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG, THÂN NHÂN LIỆT SĨ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ (CŨ) NĂM 2025***(Kèm theo Quyết định số: 544/QĐ-UBND ngày 6 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Phú Thọ)*

STT	Họ và tên		Địa chỉ	Loại đối tượng	Sơ bộ tình trạng nhà ở	Hiện trạng về đất ở			Tổng số hộ	Nhu cầu		Ghi chú
						Đã có giấy chứng nhận QSDĐ	Chưa có giấy chứng nhận QSDĐ	Có đất nhưng chưa chuyển đổi mục đích sử dụng đất thành đất ở		Xây mới	Cải tạo	
Phường Phong Châu									5	3	2	
	Khu vực Phú Hộ (cũ)									3	2	
1	1	Lưu Quý Cường	Khu 6	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp, mái lợp pờ lô	x					x	
2	2	Nguyễn Văn Nhạ	Khu 6	CĐHH	Mái lợp pờ lô , tường bong tróc, nền và tường chưa chất	x				x		
3	3	Nguyễn Ngọc Xuyên	Khu 3	Thương binh	Mái lợp pờ lô, tường bong tróc, nhà đã xuống cấp	x				x		
4	4	Hà Huy Lập	Khu 3	Bệnh binh	Mái lợp pờ lô, tường bong tróc, nhà đã xuống cấp	x					x	
5	5	Phan Thanh Quế	Khu 6	CĐHH	Nhà dột nát, bị đổ	x				x		
Xã Đồng Lương									1	0	1	
	Khu vực Điều Lương (cũ)									0	1	
6	1	Hà Thị Cam	Khu Sâu	TNLS	Hư hỏng nặng	x					x	

Xã Phú Khê									1	0	1	
	Khu vực Hương Lung (cũ)									0	1	
7	1	Phạm Văn Môn	Khu Suối 1	HHC	Hư hỏng nặng	x					x	
Xã Tiên Lương									1	1	0	
	Khu vực Tiên Lương (cũ)									1	0	
8	1	Hà Thanh Miến	Khu Tiên Sơn	HHC	Hư hỏng nặng	x				x		
Xã Hiền Lương									2	1	1	
	Khu vực Xuân Áng (cũ)									1	1	
9	1	Nguyễn Xuân Dục	Khu 18	CĐHH	Nhà gỗ, đột nát	x				x		
10	2	Vũ Ngọc Tuấn	Khu 18	Thân nhân liệt sỹ	Nhà gỗ, đột nát	x					x	
Xã Phùng Nguyên									7	3	4	
	Khu vực Tứ Xã (cũ)									1	3	
11	1	Khổng Thị Phần	Khu 1	TNLS	Nhà xuống cấp nặng	x					x	
12	2	Hoàng Thị Ngọc	Khu 8	TNLS	Nhà hư hỏng nặng	x					x	
13	3	Nguyễn Thị Bình	Khu 10	TNLS	Nhà xuống cấp nặng	x					x	
14	4	Nguyễn Thạch Cáp	Khu 8	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
	Khu vực Phùng Nguyên (cũ)									2	1	
15	5	Nguyễn Đình Thiện	Khu 2	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
16	6	Kiều Tăng	Khu Đại Đình	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
17	7	Nguyễn Lan Tú	Khu 1	CĐHH	Nhà xuống cấp nặng	x					x	
Xã Xuân Lũng									2	2	0	
	Khu vực Xuân Lũng (cũ)									1	0	

18	1	Nguyễn Thị Hồng Thanh	Khu 12	TNLS	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
	Khu vực Tiên Kiên (cũ)									1	0	
19	2	Nguyễn Văn Phú	Khu 7	CĐHH	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
Xã Phú Mỹ									1	0	1	
	Khu vực Liên Hoa (cũ)									0	1	
20	1	Tạ Minh Hải	Khu 3	Huân huy chương	Hỏng mái	x					x	
Xã Phù Ninh									2	1	1	
	Khu vực Phú Lộc (cũ)									1	0	
21	1	Hán Minh Chung	Khu 5	CĐHH, Thương binh	Bị hư hỏng nặng	x				x		
	Khu vực Phú Nam (cũ)									0	1	
22	2	Phan Văn Đán	Khu 1b	CĐHH	Bị hư hỏng nặng	x					x	
Xã Trạm Thán									1	1	0	
	Khu vực Trạm Thán (cũ)									1	0	
23	1	Nguyễn Thị Hán	Khu3	HHC	Bị hư hỏng nặng	x				x		
Xã Tam Nông									3	2	1	
	Khu vực Dân Quyền (cũ)									1	0	
24	1	Đào Văn Hoa	Khu 10	HĐKC nhiễm CĐHH	Nhà hư hỏng	x				x		
	Khu vực Hưng Hóa (cũ)									1	0	
25	2	Nguyễn Chí Dậu	Khu 6	Bệnh binh	Nhà ở hiện đang xuống cấp phần mái, tường và nền nhà.	x				x		
	Khu vực Hương Nộn (cũ)									0	1	

26	3	Lại Văn Viên	Khu 10	Hoạt động KC	Nhà C4, đã xuống cấp	x					x	
Xã Hiền Quan									4	2	2	
	Khu vực Hiền Quan (cũ)									1	1	
27	1	Đỗ Việt	Khu 9	Người được tặng HC Kháng chiến	Bị hư hỏng mái và tường	x					x	
28	2	Nguyễn Khắc Khoái	Khu 5	Thương binh	Bị hư hỏng mái và tường	x				x		
	Khu vực Bắc Sơn (cũ)									1	1	
29	3	Cao Đức Thắng	Khu 14	Thương Binh, BB	Hư hỏng mái và tường	x					x	
30	4	Trần Hữu Hưng	Khu 10	BB	Chưa có nhà	x				x		
Xã Vạn Xuân									4	1	3	
	Khu vực Quang Húc (cũ)									1	3	
31	1	Phạm Xuân Thụ	Khu 4	CĐHH	Nhà cấp 4, lợp ngói, hiện trạng bị hư hỏng phần mái	x					x	
32	2	Đào Vĩnh	Khu 4	Tiền Khởi nghĩa	Nhà cấp 4, lợp ngói, hiện trạng bị hư hỏng phần mái	x					x	
33	3	Đào Văn Bình	Khu 2	CĐHH	Nhà hư hỏng xuống cấp	x				x		
34	4	Đặng Văn Khánh	Khu 10	Thương Binh	Nhà hư hỏng xuống cấp	x					x	
Xã Lai Đồng									2	1	1	
	Khu vực Tân Sơn (cũ)									1	0	
35	1	Hà Thị Khương	Khu Thờ 1	TNLS (Con)	Chưa có nhà ở		x			x		
	Khu vực Kiệt Sơn (cũ)									0	1	

36	2	Hà Minh Thương	Chiềng lớn	thương binh	Nhà xây xuống cấp	x					x	
Xã Xuân Đài									3	0	3	
	Khu vực Kim Thượng (cũ)									0	2	
37	1	Xa Nguyên Dắt	Chiềng 1	Người có công (Có HCKC)	Nhà xây cấp 4, tường cứng và nền lát gạch, mái lợp Prôxi măng, thời gian ở lâu đã xuống cấp nên lúc mưa gió bị ngấm và dột	x					x	
38	2	Phùng Văn Đới	Quyền 2	Bệnh binh trên 61%	Nhà xây cấp 4, tường cứng và nền láng ba ta, mái lợp Prôxi măng, thời gian ở lâu đã xuống cấp nên lúc mưa gió bị ngấm và dột	x					x	
	Khu Mu									0	1	
39	3	Đinh Công Lực	Mu	Bệnh binh trên 61%	Nhà xây cấp 4, tường cứng và nền láng ba ta, mái lợp Prôxi măng, thời gian ở lâu đã xuống cấp nên lúc mưa gió bị ngấm và dột	x					x	
Xã Liên Minh									6	1	5	
	Khu vực Đỗ Sơn (cũ)									0	2	
40	1	Hà Anh Nhân	Khu Đỗ Sơn 4	Nhiễm chất độc da cam	Nhà ở xuống cấp	x					x	
41	2	Đỗ Đức Chuộng	Khu Phương Nhuế	Da cam	Nhà ở xuống cấp	x					x	
	Khu vực Đỗ Xuyên (cũ)									0	1	

42	3	Nguyễn Xuân Lộc	Khu 2 Đỗ Xuyên	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
Khu vực Lương Lỗ (cũ)										1	2	
43	4	Lê Văn Nhĩ	Khu 3	Huân chương	Nhà ở xuống cấp	x				x		
44	5	Phạm Thế Duyệt	Khu 1	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
45	6	Lê Mạnh Hùng	Khu 3	Huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
Xã Thanh Ba									11	1	10	
Khu vực Đồng Xuân (cũ)										0	1	
46	1	Phùng Thị Diễm	Khu 4	Thân nhân liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
Khu vực Thanh Ba (cũ)										0	4	
47	2	Nguyễn Hoài Đức	Khu 4	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
48	3	Nguyễn Văn Đãi	Khu 3	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
49	4	Nguyễn Thị Hiên	Khu 3	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
50	5	Đàm Thị Đĩa	Khu 3	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
Khu vực Hanh Cù (cũ)										1	5	
51	6	Nguyễn Bá Minh	Khu 3	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
52	7	Nguyễn Tiến Lợi	Khu 7	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x					x	
53	8	Mai Xuân Hoi	Khu 26	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
54	9	Nguyễn Thị Le	Khu 13	Thân nhân liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	

55	10	Mai Hồng Sơn	Khu 23	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
56	11	Mai Ngọc Tuấn	Khu 26	Huân chương kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x					x	
Xã Hoàng Cương									1	1	0	
		Khu vực Hoàng Cương (cũ)								1	0	
57	1	Trương Thị Nhiều	Khu 14	TNLS	Nhà ở xuống cấp	x				x		
Xã Đông Thành									1	0	1	
		Khu vực Khải Xuân (cũ)								0	1	
58	1	Lê Thị Thọ	Khu 12	HHC	Nhà ở xuống cấp	x					x	
Xã Chí Tiên									6	2	4	
		Khu vực Sơn Cương (cũ)								2	2	
59	1	Trịnh Xuân Ban	Khu 1	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x		
60	2	Đỗ Trung Kiên	Khu 6	Con liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x				x		
61	3	Nguyễn Thị Huệ	Khu 9	HHC	Nhà ở xuống cấp	x					x	
62	4	Nguyễn Hữu Bích	Khu 5	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	
		Khu vực Chí Tiên (cũ)								0	2	
63	5	Nguyễn Thị Cửu	Khu 1	Tuất liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
64	6	Đoàn Văn Lập	Khu 10	Con liệt sĩ	Nhà ở xuống cấp	x					x	
Xã Quảng Yên									1	1	0	
		Khu vực Đại An (cũ)								1	0	
65	1	Ngô Công Ca	Khu 3	Huân huy chương kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x				x		
Xã Thanh Sơn									2	0	2	
		Khu vực Thục Luyện (cũ)								0	2	

66	1	Trần Đức Dụ	Ngọc Đồng	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x					x	
67	2	Nguyễn Thị Liên	Khu Đồng Cỏ	BMVNAH	Nhà xuống cấp nặng	x					x	
Xã Cự Đồng									2	1	1	
	<i>Khu vực Tắt Thắt (cũ)</i>									0	1	
68	1	Đinh Văn Yên	Khu 10	Da cam	Nhà xuống cấp nặng	x					x	
	<i>Khu vực Cự Đồng (cũ)</i>									1	0	
69	2	Đinh Công Nhạ	Khu Đồn	Da cam	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
Xã Hương Cần									1	0	1	
	<i>Khu vực Yên Lãng (cũ)</i>									0	1	
70	1	Đinh Văn Bổng	Trung Thịnh	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x					x	
Xã Yên Sơn									2	0	2	
	<i>Khu vực Yên Sơn (cũ)</i>									0	2	
71	1	Nguyễn Thanh Hải	Trại Yên	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x					x	
72	2	Hà Đức Tài	Mỏ	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x					x	
Xã Võ Miếu									3	2	1	
	<i>Khu vực Võ Miếu (cũ)</i>									2	1	
73	1	Nguyễn Thị Vệt	Hà Biên	Thân nhân LS	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
74	2	Đinh Trung Thọ	Vắng	Bệnh binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
75	3	Phạm Hồng Thanh	Vùng	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x					x	
Xã Văn Miếu									1	1	0	
	<i>Khu vực Văn Miếu (cũ)</i>									1	0	

76	1	Hà Văn Mọc	Trống	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x				x		
Xã Thanh Thủy									3	2	1	
		Khu vực Thanh Thủy (cũ)								1	1	
77	1	Phạm Chí Thanh	Khu 6	BB	Hư hỏng	x					x	
78	2	Hà Ngọc Quang	Khu 5	TB	đột nát	x				x		
		Khu vực Bảo Yên (cũ)								1	0	
79	3	Lương Văn Ngôn	Khu 1	CĐHH	Hư hỏng	x				x		
Xã Tu Vũ									2	1	1	
		Khu vực Đồng Trung (cũ)								1	0	
80	1	Nguyễn Ngọc Phúc	Khu 9	CĐHH	đột nát	x				x		
		Khu vực Tu Vũ								0	1	
81	2	Nguyễn Đình Hạnh	Khu 2	TB	Hỏng mái	x					x	
Xã Đào Xá									8	3	5	
		Khu vực Đào Xá (cũ)								2	3	
82	1	Trần Sơn Thắng	Khu 08	BB	Xuống cấp	x				x		
83	2	Trần Kim Thống	Khu 01	TB	Xuống cấp	x					x	
84	3	Nguyễn Xuân Thiện	Khu 13	BB	Xuống cấp	x					x	
85	4	Trần Văn Sinh	Khu 16	BB	Xuống cấp	x					x	
86	5	Dương Văn Sản	Khu 06	CĐHH	Xuống cấp	x				x		
		Khu vực Thạch Đồng (cũ)								1	2	
87	6	Đoàn Văn Kế	Khu 1	TB	Xuống cấp	x					x	
88	7	Dương Văn Thường	Khu 2	TB	Xuống cấp	x					x	
89	8	Đỗ Văn Quyết	Khu 6	CĐHH	Xuống cấp	x				x		
Xã Yên Lập									1	0	1	
		Khu vực Yên Lập (cũ)								0	1	

90	1	Kiều Quang Thạch	Tân An 4	Bệnh binh suy giảm KNLD 71-80%	Hư hỏng phần khung, tường yếu, mái nhà dột nước	x					x	
Xã Minh Hòa									1	1	0	
		Khu vực Minh Hòa (cũ)								1	0	
91	1	Hà Văn Mai	Đức Xuân	TNLS (Con)	Nhà gỗ mái lợp phiblo xi măng			x		x		
Xã Sơn Lương									1	1	0	
		Khu vực Lương Sơn (cũ)								1	0	
92	1	Nguyễn Xuân Hoạch	Tam Giao	Tham gia hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc	Nhà gỗ hư hỏng, dột nát	x				x		
Xã Tây Cốc									1	0	1	
		Khu vực Ca Đình (cũ)								0	1	
93	1	Vũ Thị Năm	Khu 2	HCKC	Hư hỏng	x					x	
Xã Đoan Hùng									2	0	2	
		Khu vực Hợp Nhất (cũ)								0	2	
94	1	Nguyễn Văn Đại	Khu Đồng Thịnh	HCKC	Hư hỏng	x					x	
95	2	Nguyễn Văn Súc	Khu Đồng Thịnh	CĐHH	Hư hỏng	x					x	
Xã Bằng Luân									5	2	3	
		Khu vực Bằng Luân (cũ)								2	1	
96	1	Trần Quang Đạm	Khu 1	HCKC	Hư hỏng	x				x		
97	2	Trần Đức Lợi	Khu 6	HCKC	Hư hỏng	x					x	
98	3	Trần Ngọc Thoa	Khu 3	CĐHH	Hư hỏng	x				x		
		Khu vực Phúc Lai (cũ)								0	1	
99	4	Trần Thị Ngo	Khu 1	Hoạt động kháng chiến	Hư hỏng	x					x	

	<i>Xã Bằng Doãn (cũ)</i>								0	1	
100	5	Nguyễn Văn Chúc	Khu 7	HCKC	Hư hỏng	x				x	
Xã Chân Mộng								6	1	5	
	<i>Khu vực Hùng Long (cũ)</i>								1	0	
101	1	Vương Thị Lệ	Khu 1	HCKC	Hư hỏng	x			x		
	<i>Khu vực Chân Mộng (cũ)</i>								0	5	
102	2	Nguyễn Văn Luyện	Khu 4	Thương binh	Hư hỏng	x				x	
103	3	Nguyễn Văn Huệ	Khu 3	HCKC	Hư hỏng	x				x	
104	4	Hán Đăng Dân	Khu 4	HCKC	Hư hỏng	x				x	
105	5	Nguyễn Văn Hiếu	Khu 4	CĐHH	Hư hỏng	x				x	
106	6	Nguyễn Thị Sáng	Khu 6	HCKC	Hư hỏng	x				x	
Tổng cộng								106	39	67	

Phụ lục 05

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DIỆN HỖ TRỢ TẠI ĐỀ ÁN HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG, THÂN NHÂN LIỆT SĨ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ (CŨ) NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 544/QĐ-UBND ngày 6 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Họ và tên		Địa chỉ	Loại đối tượng	Sơ bộ tình trạng nhà ở	Hiện trạng về đất ở			Tổng số hộ	Nhu cầu theo đề án 351		Nhu cầu sau điều chỉnh		Ghi chú
						Đã có giấy chứng nhận QSDĐ	Chưa có giấy chứng nhận QSDĐ	Có đất nhưng chưa chuyển đổi mục đích sử dụng đất thành đất ở		Xây mới	Cải tạo	Xây mới	Cải tạo	
Phường Phong Châu									1	1	0	0	1	
	Khu vực Phú Hộ (cũ)								1	1	0	0	1	
1	1	Phan Văn Thuận	Khu 6	CĐHH	Mái lợp pơ lô xây từ lâu đã xuống cấp	x				x			x	
Phường Âu Cơ									1	1	0	0	1	
	Khu vực Thanh Minh (cũ)								1	1	0	0	1	
2	1	Bùi Đình Ứng	Khu 5	Thương binh	Nhà bị xuống cấp, hư hỏng nặng	x				x			x	
Xã Cẩm Khê									2	1	1	1	1	
	Khu vực Phong Thịnh (cũ)								2	1	1	1	1	
3	1	Trần Văn Tăng	Khu Thống Nhất	HĐKC	Nhà xuống cấp nặng	x				x			x	
4	2	Hà Thị Chắt	Khu Xóm Giữa	HĐKC	Nhà bị hư hỏng	x					x	x		

Xã Đồng Lương								2	1	1	1	1	
	Khu vực Đồng Lương (cũ)							1	0	1	1	0	
5	1	Thiều Mạnh Trọng	Đồn Ngựa	HĐKC	Nhà bị hư hỏng	x				x	x		
	Khu vực Điều Lương (cũ)							1	1	0	0	1	
6	2	Lê Xuân Đê	Trung Thị	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x			x			x	
Xã Đan Thượng								1	1	0	0	1	
	Khu vực Đại Phạm (cũ)							1	1	0	0	1	
7	1	Dương Thị Tĩnh	Khu 8	Huân huy chương	Nhà gỗ, tường gỗ tạp, mái cọ, bờ lô xi măng, nền lát gạch hoa	x			x			x	
Xã Phùng Nguyên								2	1	1	1	1	
	Khu vực Tứ Xã (cũ)							1	1	0	0	1	
8	1	Nguyễn Văn Kỳ	Khu 12	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x			x			x	
	Khu vực Sơn Vi (cũ)							1	0	1	1	0	
9	2	Nguyễn Văn Cật	Khu 10	Thương binh	Nhà bị hư hỏng	x				x	x		
Xã Bản Nguyên								1	1	0	0	1	
	Khu vực Cao Xá (cũ)							1	1	0	0	1	
10	1	Đặng Văn Hưng	Khu 12	Thương binh	Nhà xuống cấp nặng	x			x			x	
Xã Phù Ninh								2	0	2	2	0	
	Khu vực Phú Nham (cũ)							1	0	1	1	0	
11	1	Triệu Ngọc Hoàn	Khu 7	Thương binh	Hỏng mái, hỏng tường	x				x	x		
	Khu vực Phú Nham (cũ)							1	0	1	1	0	
12	2	Trần Ngọc Phát	Khu 3	Bệnh binh	Hỏng mái, hỏng tường	x				x	x		
Xã Vạn Xuân								1	1	0	0	1	
	Khu vực Lam Sơn (cũ)							1	1	0	0	1	

13	1	Đặng Văn Thiện	Khu 15	Thương binh	Nhà xuống cấp, tường vôi, rạn nứt	x				x			x	
Xã Thọ Văn									1	1	0	0	1	
	Khu vực Tề Lễ (cũ)								1	1	0	0	1	
14	1	Nguyễn Công Đoàn	Khu 5	HĐKC	Đột nát	x				x			x	
Xã Minh Đài									2	2	0	0	2	
	Khu vực Văn Luông (cũ)								2	2	0	0	2	
15	1	Lê Thị Mễ	Khu Đồng Thanh	Người HĐCM, KC, BVTQ, làm nghĩa vụ quốc tế	Nhà xây cấp 4, tường, trần, mái nứt nẻ xuống cấp gây thấm dột	x				x			x	
16	2	Nguyễn Văn Dũng	Khu Hoàng Văn	TNLS (con)	Nhà gỗ lợp, mái lợp lá cọ đã xuống cấp	x				x			x	
Xã Liên Minh									3	3	0	0	3	
	Khu vực Đỗ Sơn (cũ)								1	1	0	0	1	
17	1	Lê Văn Quảng	Khu Đỗ Sơn 3	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x				x			x	
	Khu vực Lương Lỗ (cũ)								2	2	0	0	2	
18	2	Lê Thị Lân	Khu 4	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x				x			x	
19	3	Nguyễn Như Chiêm	Khu 4	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x				x			x	
Xã Hoàng Cương									2	2	0	0	2	
	Khu vực Hoàng Cương (cũ)								1	1	0	0	1	
20	1	Hoàng Văn Ích	Khu 01	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x				x			x	
	Khu vực Ninh Dân (cũ)								1	1	0	0	1	

21	2	Nguyễn Vương Kết	Khu 12	Huân huy chương	Nhà ở xuống cấp	x				x			x	
Xã Chí Tiên									3	2	1	1	2	
	<i>Khu vực Chí Tiên (cũ)</i>								3	2	1	1	2	
22	1	Chu Văn Đam	Khu 1	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x				x			x	
23	2	Chu Anh Tuấn	Khu 1	Thương, bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x				x			x	
24	3	Lăng Thị Lâm	Khu 4	Tuất Liệt sỹ	Nhà ở xuống cấp	x					x	x		
Xã Võ Miếu									1	0	1	1	0	
	<i>Khu vực Võ Miếu (cũ)</i>								1	0	1	1	0	
25	1	Hà Minh Khang	Khu Bành	Anh hùng lao động	Hồng tường, mái	x					x	x		
Xã Văn Miếu									1	1	0	0	1	
	<i>Khu vực Văn Miếu (cũ)</i>								1	1	0	0	1	
26	1	Hà Tiến Công	Khu Trống	CĐHH	Nhà gỗ xuống cấp	x				x			x	
Xã Tu Vũ									1	0	1	1	0	
	<i>Khu vực Tu Vũ (cũ)</i>								1	0	1	1	0	
27	1	Đình Quang Đình	Khu 15	HHC	Hư hỏng	x					x	x		
Xã Đào Xá									2	1	1	1	1	
	<i>Khu vực Xuân Lộc (cũ)</i>								2	1	1	1	1	
28	1	Nguyễn Ngọc Đề	Khu 1	HĐKC	Dột nát	x				x			x	
29	2	Nguyễn Văn Xuân	Khu 5	CĐHH	Hư hỏng	x					x	x		
Xã Chí Đám									1	1	0	0	1	
	<i>Khu vực Hùng Xuyên (cũ)</i>								1	1	0	0	1	
30	1	Nguyễn Thị Nhường	Khu Lạp Xuyên	Hoạt động kháng chiến	Nhà ở xuống cấp	x				x			x	

Xã Đoan Hùng									8	6	2	2	6	
	Khu vực Hợp Nhất (cũ)								7	5	2	2	5	
31	1	Bùi Văn Chi	Khu Làng Vải	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x			x	
32	2	Trần Văn Chi	Khu Hữu Đô 1	CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x				x			x	
33	3	Vũ Thị Loan	Khu Đại Hội	TNLS (con)	Nhà ở xuống cấp	x				x			x	
34	4	Nguyễn Thị Bằng	Khu Hữu Đô 3	TNLS (vợ)	Nhà ở xuống cấp	x				x			x	
35	5	Nguyễn Văn Bồi	Khu Liên Phương	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x			x	
36	6	Nguyễn Thị Lâm	Khu Dân Chủ	TNLS (vợ)	Nhà ở xuống cấp	x					x	x		
37	7	Trần Dân Hương	Khu Liên Hợp	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	x		
	Khu vực Ngọc Quan (cũ)								1	1	0	0	1	
38	8	Nguyễn Tiến Sửu	Khu 4	HĐKC	Nhà ở xuống cấp	x				x			x	
Xã Chân Mộng									6	2	4	4	2	
	Khu vực Yên Kiện (cũ)								1	0	1	1	0	
39	1	Hứa Ngọc Đăng	Khu 7 - Yên Kiện	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	x		
	Khu vực Hùng Long (cũ)								2	0	2	2	0	
40	2	Hoàng Ngọc Quế	Khu 1	HĐKC	Nhà ở xuống cấp	x					x	x		
41	3	Bùi Thị Tiến	Khu 3 - Vân Đồn	HĐKC	Nhà ở xuống cấp	x					x	x		
	Khu vực Chân Mộng (cũ)								3	2	1	1	2	
42	4	Vũ Văn Tự (Vũ Văn Tự - theo Đề án)	Xã Chân Mộng	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x			x	

43	5	Bùi Văn Nghi	Xã Chân Mộng	HĐKC	Nhà ở xuống cấp	x				x			x	
44	6	Nguyễn Văn Thanh	Khu 6	HĐKC	Nhà ở xuống cấp	x					x	x		
Xã Tây Cốc									1	0	1	1	0	
	Khu vực Ca Đình (cũ)								1	0	1	1	0	
45	1	Hà Văn Huỳnh	Khu 3	Thương binh + CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x					x	x		
Xã Bằng Luân									4	3	1	1	3	
	Khu vực Bằng Luân (cũ)								3	3	0	0	3	
46	1	Bùi Thị Hiền	Khu 12	HĐKC	Nhà ở xuống cấp	x				x			x	
47	2	Bùi Xuân Kết	Khu 6	Bệnh binh, CĐHH	Nhà ở xuống cấp	x				x			x	
48	3	Nguyễn Đức Minh	Khu 8	Thương binh	Nhà ở xuống cấp	x				x			x	
	Khu vực Phúc Lai (cũ)								1	0	1	1	0	
49	4	Trần Văn Trọng	Khu 2	Bệnh binh	Nhà ở xuống cấp	x					x	x		
Tổng cộng									49	32	17	17	32	

Phụ lục 06

TỔNG KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG, THÂN NHÂN LIỆT SĨ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ (CŨ) NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 544/QĐ-UBND ngày 6 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Số TT	Xã, phường	Hộ Người có công được hỗ trợ xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (cũ)									Nguồn kinh phí thực hiện					
		Theo Đề án được duyệt			Số điều chỉnh			Tổng số sau điều chỉnh			Theo Đề án được duyệt			Tổng số sau điều chỉnh		
		Tổng số (hộ)	Trong đó		Tổng số (hộ)	Trong đó		Tổng số (triệu đồng)	Trong đó		Tổng số (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương		Tổng số (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	
			Xây mới (hộ)	Cải tạo (hộ)		Xây mới (hộ)	Cải tạo (hộ)		Xây mới (hộ)	Cải tạo (hộ)		Xây mới (triệu đồng)	Cải tạo (triệu đồng)		Xây mới (triệu đồng)	Cải tạo (triệu đồng)
I	Khu vực thành phố Việt Trì (cũ)	15	7	8	-15	-7	-8	0	0	0	660	420	240	0	0	0
1	Phường Thanh Miếu	5	3	2	-5	-3	-2	0	0	0	240	180	60	0	0	0
2	Phường Việt Trì	2	2	0	-2	-2	0	0	0	0	120	120	0	0	0	0
3	Phường Nông Trang	2	0	2	-2	0	-2	0	0	0	60	0	60	0	0	0
4	Xã Hy Cương	2	1	1	-2	-1	-1	0	0	0	90	60	30	0	0	0
5	Phường Vân Phú	4	1	3	-4	-1	-3	0	0	0	150	60	90	0	0	0
II	Khu vực thị xã Phú Thọ (cũ)	49	11	38	-11	-3	-8	38	8	30	1,800	660	1,140	1,380	480	900
6	Phường Phú Thọ	15	2	13	-11	-2	-9	4	0	4	510	120	390	120	0	120
7	Phường Phong Châu	26	6	20	2	2	0	28	8	20	960	360	600	1,080	480	600
8	Phường Âu Cơ	8	3	5	-2	-3	1	6	0	6	330	180	150	180	0	180

III	Khu vực huyện Cẩm Khê (cũ)	120	50	70	-63	-23	-40	57	27	30	5,100	3,000	2,100	2,520	1,620	900
9	Xã Cẩm Khê	23	13	10	-5	-3	-2	18	10	8	1,080	780	300	840	600	240
10	Xã Đồng Lương	23	6	17	-9	-3	-6	14	3	11	870	360	510	510	180	330
11	Xã Phú Khê	14	2	12	-10	-1	-9	4	1	3	480	120	360	150	60	90
12	Xã Hùng Việt	22	8	14	-19	-7	-12	3	1	2	900	480	420	120	60	60
13	Xã Tiên Lương	36	21	15	-19	-9	-10	17	12	5	1,710	1,260	450	870	720	150
14	Xã Vân Bán	2	0	2	-1	0	-1	1	0	1	60	0	60	30	0	30
IV	Khu vực huyện Hạ Hoà (cũ)	25	14	11	-7	-6	-1	18	8	10	1,170	840	330	780	480	300
15	Xã Đan Thượng	9	4	5	-5	-3	-2	4	1	3	390	240	150	150	60	90
16	Xã Hạ Hoà	5	2	3	-1	-1	0	4	1	3	210	120	90	150	60	90
17	Xã Văn Lang	2	1	1	-1	-1	0	1	0	1	90	60	30	30	0	30
18	Xã Hiền Lương	6	4	2	1	0	1	7	4	3	300	240	60	330	240	90
19	Xã Yên Kỳ	1	1	0	0	0	0	1	1	0	60	60	0	60	60	0
20	Xã Vĩnh Chân	2	2	0	-1	-1	0	1	1	0	120	120	0	60	60	0
V	Khu vực huyện Lâm Thao (cũ)	68	36	32	-35	-22	-13	33	14	19	3,120	2,160	960	1,410	840	570
21	Xã Phùng Nguyên	33	10	23	-9	-4	-5	24	6	18	1,290	600	690	900	360	540
22	Xã Xuân Lũng	3	2	1	0	1	-1	3	3	0	150	120	30	180	180	0
23	Xã Bản Nguyên	32	24	8	-26	-19	-7	6	5	1	1,680	1,440	240	330	300	30
VI	Khu vực huyện Phù Ninh (cũ)	78	22	56	-41	-12	-29	37	10	27	3,000	1,320	1,680	1,410	600	810
24	Xã Trạm Thán	11	2	9	-1	0	-1	10	2	8	390	120	270	360	120	240
25	Xã Dân Chủ	9	1	8	-8	-1	-7	1	0	1	300	60	240	30	0	30
25	Xã Bình Phú	26	9	17	-21	-7	-14	5	2	3	1,050	540	510	210	120	90
26	Xã Phù Ninh	25	7	18	-6	-1	-5	19	6	13	960	420	540	750	360	390
27	Xã Phú Mỹ	7	3	4	-5	-3	-2	2	0	2	300	180	120	60	0	60

VII	Khu vực huyện Tam Nông (cũ)	58	22	36	-12	-6	-6	46	16	30	2,400	1,320	1,080	1,860	960	900
28	Xã Tam Nông	15	5	10	-5	0	-5	10	5	5	600	300	300	450	300	150
29	Xã Thọ Văn	18	10	8	-7	-6	-1	11	4	7	840	600	240	450	240	210
30	Xã Hiền Quan	12	4	8	-2	0	-2	10	4	6	480	240	240	420	240	180
31	Xã Vạn Xuân	13	3	10	2	0	2	15	3	12	480	180	300	540	180	360
VIII	Khu vực huyện Tân Sơn (cũ)	57	29	28	2	-3	5	59	26	33	2,580	1,740	840	2,550	1,560	990
32	Xã Tân Sơn	5	2	3	0	0	0	5	2	3	210	120	90	210	120	90
33	Xã Lai Đồng	8	6	2	2	1	1	10	7	3	420	360	60	510	420	90
34	Xã Long Cốc	13	4	9	-1	-1	0	12	3	9	510	240	270	450	180	270
35	Xã Minh Đài	7	3	4	0	-2	2	7	1	6	300	180	120	240	60	180
36	Xã Xuân Đài	13	11	2	3	0	3	16	11	5	720	660	60	810	660	150
37	Xã Thu Cúc	11	3	8	-2	-1	-1	9	2	7	420	180	240	330	120	210
IX	Khu vực huyện Thanh Ba (cũ)	215	67	148	-92	-36	-56	123	31	92	8,460	4,020	4,440	4,620	1,860	2,760
38	Xã Liên Minh	42	25	17	-14	-16	2	28	9	19	2,010	1,500	510	1,110	540	570
39	Xã Thanh Ba	50	10	40	-20	-4	-16	30	6	24	1,800	600	1,200	1,080	360	720
40	Xã Đông Thành	19	3	16	-13	-2	-11	6	1	5	660	180	480	210	60	150
41	Xã Quảng Yên	16	3	13	-10	0	-10	6	3	3	570	180	390	270	180	90
42	Xã Hoàng Cương	38	11	27	-20	-9	-11	18	2	16	1,470	660	810	600	120	480
43	Xã Chí Tiên	50	15	35	-15	-5	-10	35	10	25	1,950	900	1,050	1,350	600	750
X	Khu vực huyện Thanh Sơn (cũ)	89	26	63	-3	-2	-1	86	24	62	3,450	1,560	1,890	3,300	1,440	1,860
44	Xã Thanh Sơn	14	1	13	2	0	2	16	1	15	450	60	390	510	60	450
45	Xã Võ Miếu	28	4	24	-1	2	-3	27	6	21	960	240	720	990	360	630
46	Xã Cự Đồng	9	1	8	-1	1	-2	8	2	6	300	60	240	300	120	180
47	Xã Hương Càn	10	1	9	1	0	1	11	1	10	330	60	270	360	60	300
48	Xã Văn Miếu	9	7	2	-1	-1	0	8	6	2	480	420	60	420	360	60

49	Xã Yên Sơn	8	4	4	1	-1	2	9	3	6	360	240	120	360	180	180
50	Xã Khả Cửu	11	8	3	-4	-3	-1	7	5	2	570	480	90	360	300	60
XI	Khu vực huyện Thanh Thủy (cũ)	89	32	57	-23	-7	-16	66	25	41	3,630	1,920	1,710	2,730	1,500	1,230
51	Xã Tu Vũ	34	13	21	-9	-2	-7	25	11	14	1,410	780	630	1,080	660	420
52	Xã Thanh Thủy	12	7	5	0	0	0	12	7	5	570	420	150	570	420	150
53	Xã Đào Xá	43	12	31	-14	-5	-9	29	7	22	1,650	720	930	1,080	420	660
XII	Khu vực huyện Yên Lập (cũ)	58	27	31	2	1	1	60	28	32	2,550	1,620	930	2,640	1,680	960
54	Xã Thượng Long	4	3	1	0	0	0	4	3	1	210	180	30	210	180	30
55	Xã Yên Lập	13	7	6	1	0	1	14	7	7	600	420	180	630	420	210
56	Xã Minh Hoà	12	4	8	1	1	0	13	5	8	480	240	240	540	300	240
57	Xã Trung Sơn	2	0	2	0	0	0	2	0	2	60	0	60	60	0	60
58	Xã Xuân Viên	13	4	9	0	0	0	13	4	9	510	240	270	510	240	270
59	Xã Sơn Lương	14	9	5	0	0	0	14	9	5	690	540	150	690	540	150
XIII	Khu vực huyện Đoan Hùng (cũ)	344	102	242	-260	-82	-178	84	20	64	13,380	6,120	7,260	3,120	1,200	1,920
60	Xã Tây Cốc	32	2	30	-26	0	-26	6	2	4	1,020	120	900	240	120	120
61	Xã Chí Đám	50	16	34	-45	-14	-31	5	2	3	1,980	960	1,020	210	120	90
62	Xã Chân Mộng	86	17	69	-61	-11	-50	25	6	19	3,090	1,020	2,070	930	360	570
63	Xã Đoan Hùng	131	54	77	-107	-49	-58	24	5	19	5,550	3,240	2,310	870	300	570
64	Xã Bằng Luân	45	13	32	-21	-8	-13	24	5	19	1,740	780	960	870	300	570
Tổng cộng		1,265	445	820	-558	-208	-350	707	237	470	51,300	26,700	24,600	28,320	14,220	14,100

Phụ lục 07

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP ĐIỀU CHỈNH THUỘC ĐỀ ÁN HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG, THÂN NHÂN LIỆT SĨ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VINH PHÚC (CŨ) NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 544/QĐ-UBND ngày 6 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Họ và tên	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Tổng số hộ	Thuộc diện xây mới nhà ở (hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (hộ)	Ghi chú
I	BỔ SUNG VÀO ĐỀ ÁN		2	2	0	
<i>Xã Tam Dương Bắc</i>			2	2	0	
1	1	Hoàng Văn Thái		x		
<i>*Tăng do điều chỉnh hình thức hỗ trợ</i>						
2	1	Phạm Văn Hưng		x		Chuyển từ sửa chữa sang xây mới
II	ĐƯA RA KHỎI ĐỀ ÁN		21	7	14	
<i>Xã Vĩnh An</i>			1	1	0	
1	1	Vũ Thị Bướm		x		
<i>Xã Sơn Đông</i>			2	1	1	
2	1	Trần Thiện Cơ		x		
3	2	Trần Xuân Giới			x	
<i>Xã Tiên Lữ</i>			4	3	1	
4	1	Nguyễn Xuân Nông	Thôn Đại Lữ, xã Đồng ích, Lập Thạch, Vĩnh Phúc	x		
5	2	Hà Văn Hùng	Thôn Hạ Ích, xã Đồng ích, Lập Thạch, Vĩnh Phúc	x		
6	3	Nguyễn Văn Bưởi	Thôn Hoàng Chung, xã Đồng ích, Lập Thạch, Vĩnh Phúc		x	

7	4	Nguyễn Văn Minh	Thôn Đồng Tâm		x		
<i>Xã Liên Hòa</i>				5	1	4	
8	1	Đỗ Ngọc Quý	Thôn Thượng Đạt, xã Liên Hòa, Lập Thạch, Vĩnh Phúc		x		
9	2	Phạm Thị Đề	TDP Cộng Hòa			x	
10	3	Hồ Thị Mận	TDP Cộng Hòa			x	
11	4	Vũ Văn Dụ	TDP QK			x	
12	5	Nguyễn Thị Thịnh	TDP QK			x	
<i>Xã Thái Hòa</i>				2	0	2	
13	1	Nguyễn Đình Hoè	Thôn Hoàng Chỉ			x	
14	2	Vũ Kim Hàm	Thôn Hoàng Chỉ			x	
<i>Xã Lập Thạch</i>				3	1	2	
15	1	Nguyễn Văn Cộng	Thôn Vằng, xã Từ Du, Lập Thạch, Vĩnh Phúc		x		
16	2	Nguyễn Duy Chí	TDP Phú Lâm			x	
17	3	Nguyễn Thị Đoàn	Thôn Gia Hòa, xã Xuân Hòa, Lập Thạch, Vĩnh Phúc			x	
<i>Xã Tam Đảo</i>				1	0	1	
18	1	Nguyễn Ngọc Thanh	Chùa Vàng			x	
<i>Xã Tam Dương Bắc</i>				3	0	3	
19	1	Nguyễn Văn Thung	Kiên Tháp			x	
20	2	Nguyễn Văn Phảng	Nhân Lý			x	
<i>*Rút do điều chỉnh hình thức hỗ trợ</i>							
21	1	Phạm Văn Hưng	Yên Chung			x	Chuyển sang xây mới
A	Kinh phí phải điều chỉnh do các hộ bổ sung, xin rút, điều chỉnh (đồng)				-300,000,000	-420,000,000	
B	Tổng cộng điều chỉnh (đồng)					-720,000,000	

Phụ lục 08

TỔNG KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG, THÂN NHÂN LIỆT SĨ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC (CŨ) NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 544/QĐ-UBND ngày 6 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Hộ Người có công được hỗ trợ xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (cũ)									Nguồn kinh phí thực hiện					
		Theo Đề án được duyệt			Số điều chỉnh			Tổng số sau điều chỉnh			Theo Đề án được duyệt			Tổng số sau điều chỉnh		
		Tổng số (hộ)	Trong đó		Tổng số (hộ)	Trong đó		Tổng số (hộ)	Trong đó		Tổng số (triệu đồng)	Ngân sách nhà nước		Tổng số (triệu đồng)	Ngân sách nhà nước	
			Xây mới (hộ)	Cải tạo (hộ)		Xây mới (hộ)	Cải tạo (hộ)		Xây mới (hộ)	Cải tạo (hộ)		NSTW (triệu đồng)	NSDP (triệu đồng)		NSTW (triệu đồng)	NSDP (triệu đồng)
1	Phường Vĩnh Phúc	3	0	3				3	0	3	90	45	45	90	45	45
2	Phường Vĩnh Yên	7	4	3				7	4	3	330	165	165	330	165	165
2	Phường Phúc Yên	3	1	2				3	1	2	120	60	60	120	60	60
3	Phường Xuân Hòa	3	1	2				3	1	2	120	60	60	120	60	60
3	Xã Tam Sơn	20	2	18				20	2	18	660	330	330	660	330	330
4	Xã Sông Lô	24	5	19				24	5	19	870	435	435	870	435	435
4	Xã Hải Lựu	20	8	12				20	8	12	840	420	420	840	420	420
5	Xã Yên Lãng	6	0	6				6	0	6	180	90	90	180	90	90
5	Xã Sơn Đông	40	11	29	-2	-1	-1	38	10	28	1,530	765	765	1,440	720	720
6	Xã Tiên Lữ	43	14	29	-4	-3	-1	39	11	28	1,710	855	855	1,500	750	750
6	Xã Liên Hòa	53	11	42	-5	-1	-4	48	10	38	1,920	960	960	1,740	870	870
7	Xã Thái Hòa	68	5	63	-2		-2	66	5	61	2,190	1,095	1,095	2,130	1,065	1,065

7	Xã Lập Thạch	35	8	27	-3	-1	-2	32	7	25	1,290	645	645	1,170	585	585
8	Xã Hợp Lý	25	4	21				25	4	21	870	435	435	870	435	435
8	Xã Tam Dương Bắc	73	19	54	-1	2	-3	72	21	51	2,760	1,380	1,380	2,790	1,395	1,395
9	Xã Tam Dương	40	16	24				40	16	24	1,680	840	840	1,680	840	840
9	Xã Hội Thịnh	9	2	7				9	2	7	330	165	165	330	165	165
10	Xã Hoàng An	10	4	6				10	4	6	420	210	210	420	210	210
10	Xã Tam Đảo	12	1	11	-1		-1	11	1	10	390	195	195	360	180	180
11	Xã Đại Đình	9	0	9				9	0	9	270	135	135	270	135	135
11	Xã Đạo Trù	6	3	3				6	3	3	270	135	135	270	135	135
12	Xã Yên Lạc	3	1	2				3	1	2	120	60	60	120	60	60
12	Xã Tề Lỗ	4	1	3				4	1	3	150	75	75	150	75	75
13	Xã Liên Châu	6	4	2				6	4	2	300	150	150	300	150	150
13	Xã Tam Hồng	8	2	6				8	2	6	300	150	150	300	150	150
14	Xã Nguyệt Đức	5	4	1				5	4	1	270	135	135	270	135	135
14	Xã Vĩnh An	7	4	3	-1	-1		6	3	3	330	165	165	270	135	135
15	Xã Vĩnh Tường	4	0	4				4	0	4	120	60	60	120	60	60
15	Xã Thổ Tang	7	3	4				7	3	4	300	150	150	300	150	150
16	Xã Vĩnh Hưng	11	3	8				11	3	8	420	210	210	420	210	210
16	Xã Vĩnh Phú	16	4	12				16	4	12	600	300	300	600	300	300
17	Xã Vĩnh Thành	5	1	4				5	1	4	180	90	90	180	90	90
17	Xã Bình Nguyên	8	2	6				8	2	6	300	150	150	300	150	150
18	Xã Bình Xuyên	5	0	5				5	0	5	150	75	75	150	75	75
18	Xã Xuân Lãng	4	2	2				4	2	2	180	90	90	180	90	90
19	Xã Bình Tuyền	2	1	1				2	1	1	90	45	45	90	45	45
Tổng cộng		604	151	453	-19	-5	-14	585	146	439	22,650	11,325	11,325	21,930	10,965	10,965

Phụ lục 09**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP ĐIỀU CHỈNH THUỘC ĐỀ ÁN HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG, THÂN NHÂN LIỆT SĨ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH (CŨ) NĂM 2025***(Kèm theo Quyết định số: 544/QĐ-UBND ngày 6 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Phú Thọ)*

STT		Họ và tên	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ	Tổng số hộ	Thuộc diện xây mới nhà ở (hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (hộ)	Ghi chú
I		ĐƯA RA KHỎI ĐỀ ÁN		79	17	62	
Phường Kỳ Sơn				1	1	0	
1	1	Hoàng Cao Bảo	Phường Kỳ Sơn		x		
Xã Liên Sơn				2	1	1	
2	1	Hoàng Văn Rét	Xã Liên Sơn		x		
3	2	Lưu Công Khanh				x	
Xã Lương Sơn				2	1	1	
4	1	Vũ Đức Quân	Xã Lương Sơn			x	
5	2	Vũ Thị Hợi			x		
Xã Đại Đồng				7	4	3	
6	1	Lê Thị Dếp	Xã Đại Đồng			x	
7	2	Bùi Văn Nhi			x		
8	3	Bùi Văn Chiến			x		
9	4	Nguyễn Thị Hòa				x	
10	5	Bùi Văn Sín			x		
11	6	Bùi Văn Nghe			x		
12	7	Bùi Văn Mịch				x	

Xã Thượng Cốc				4	0	4	
13	1	Bùi Văn Thường	Xã Thượng Cốc			x	
14	2	Bùi Văn Rằm				x	
15	3	Bùi Duy Nán				x	
16	4	Bùi Văn Phan				x	
Xã Nhân Nghĩa				1	0	1	
17	1	Bùi Thị Vệ	Xã Nhân Nghĩa			x	
Xã An Nghĩa				23	0	23	
18	1	Phạm Văn Bình	Xã An Nghĩa			x	
19	2	Hoàng Trọng Kinh				x	
20	3	Phạm Ngọc Trác				x	
21	4	Hoàng Văn Ngữ				x	
22	5	Vũ Ngọc Bảo				x	
23	6	Quách Cao Thạch				x	
24	7	Quách Cao Huy				x	
25	8	Nguyễn Quang Doanh				x	
26	9	Bùi Trọng Thắng				x	
27	10	Bùi Xuân Chiêm				x	
28	11	Bùi Văn Thề				x	
29	12	Nguyễn Văn Nghị				x	
30	13	Đinh Công Thụ				x	
31	14	Vũ Hùng Tám				x	
32	15	Bùi Thị Dân				x	
33	16	Nguyễn Tiến Đạt				x	
34	17	Nguyễn Thị Yên				x	
35	18	Hoàng Ninh				x	

36	19	Bùi Đình Giá				x	
37	20	Hoàng Văn Đạm				x	
38	21	Nguyễn Thị Thiêm				x	
39	22	Bùi Thanh Hải				x	
40	23	Lê Hồng Phi				x	
<i>Xã An Bình</i>				<i>4</i>	<i>2</i>	<i>2</i>	
41	1	Bùi Trọng Được	Xã An Bình			x	
42	2	Lại Hữu Phái			x		
43	3	Đỗ Văn Chững			x		
44	4	Bùi Văn Đu				x	
<i>Xã Lạc Thủy</i>				<i>26</i>	<i>5</i>	<i>21</i>	
45	1	Bùi Xuân Lưu	Xã Lạc Thủy			x	
46	2	Đinh Thế Sơn				x	
47	3	Nguyễn Trường Sơn				x	
48	4	Phạm Ngọc Sơn				x	
49	5	Đinh Thế Thọng				x	
50	6	Nguyễn Thái Nhuận				x	
51	7	Vũ Văn Dũng				x	
52	8	Phạm Văn Hường				x	
53	9	Đinh Mạnh Nhiên				x	
54	10	Vũ Đại Khoái				x	
55	11	Đinh Khắc Việt				x	
56	12	Đinh Công Trí				x	
57	13	Hoàng Văn Luyến				x	
58	14	Vũ Quý Đức				x	
59	15	Bùi Thị Mùi			x		

60	16	Nguyễn Thái Học			x		
61	17	Nguyễn Văn Tám				x	
62	18	Nguyễn Văn Quang				x	
63	19	Mai Công Chúng				x	
64	20	Bùi Huy Vững				x	
65	21	Bùi Ánh Gương			x		
66	22	Bùi Thị Tiêu				x	
67	23	Vũ Thị Phúc			x		
68	24	Bùi Thị Thao				x	
69	25	Nguyễn Thị Nền			x		
70	26	Phạm Thị Lan				x	
Xã Tân Lạc				2	1	1	
71	1	Nguyễn Tiến Dũng	Xã Tân Lạc		x		
72	2	Nguyễn Văn Năng				x	
Xã Yên Trị				1	0	1	
73	1	Bùi Văn Nhựt	Xã Yên Trị			x	
Xã Yên Thủy				1	1	0	
74	1	Nguyễn Văn Sinh	Xã Yên Thủy		x		
Xã Cao Phong				5	1	4	
75	1	Lâm Văn Thứ	Xã Cao Phong		x		
76	2	Khương Lạc Việt				x	
77	3	Lê Văn Sính				x	
78	4	Phùng Thị Sửu				x	
79	5	Nguyễn Văn Tám				x	
A	Kinh phí phải điều chỉnh do các hộ xin rút (đồng)				-1,020,000,000	-1,860,000,000	
B	Tổng cộng điều chỉnh (đồng)					-2,880,000,000	

Phụ lục 10

TỔNG KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG, THÂN NHÂN LIỆT SĨ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH (CŨ) NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số : 544/QĐ-UBND ngày 6 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Hộ Người có công được hỗ trợ xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (cũ)									Nguồn kinh phí thực hiện					
		Theo Đề án được duyệt			Số điều chỉnh			Tổng số sau điều chỉnh			Theo Đề án được duyệt			Tổng số sau điều chỉnh		
		Tổng số (hộ)	Trong đó		Tổng số (hộ)	Trong đó		Tổng số (hộ)	Trong đó		Tổng số (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương		Tổng số (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	
			Xây mới (hộ)	Cải tạo (hộ)		Xây mới (hộ)	Cải tạo (hộ)		Xây mới (hộ)	Cải tạo (hộ)		Xây mới (triệu đồng)	Cải tạo (triệu đồng)		Xây mới (triệu đồng)	Cải tạo (triệu đồng)
1	Phường Thống Nhất	5	2	3				5	2	3	210	120	90	210	120	90
2	Phường Kỳ Sơn	2	1	1	-1	-1	0	1	0	1	90	60	30	30	0	30
3	Phường Hòa Bình	7	2	5				7	2	5	270	120	150	270	120	150
4	Xã Thịnh Minh	2	2	0				2	2	0	120	120	0	120	120	0
5	Xã Lương Sơn	4	3	1	-2	-1	-1	2	2	0	210	180	30	120	120	0
6	Xã Liên Sơn	7	4	3	-2	-1	-1	5	3	2	330	240	90	240	180	60
7	Xã An Nghĩa	27	1	26	-23	0	-23	4	1	3	840	60	780	150	60	90
8	Xã Lạc Thủy	27	5	22	-26	-5	-21	1	0	1	960	300	660	30	0	30
9	Xã An Bình	8	4	4	-4	-2	-2	4	2	2	360	240	120	180	120	60
10	Xã Hùng Sơn	3	0	3				3	0	3	90	0	90	90	0	90
11	Xã Kim Bôi	1	1	0				1	1	0	60	60	0	60	60	0

12	Xã Vĩnh Tiến	3	0	3				3	0	3	90	0	90	90	0	90
13	Xã Mường Hoa	6	5	1				6	5	1	330	300	30	330	300	30
14	Xã Mường Bi	5	3	2				5	3	2	240	180	60	240	180	60
15	Xã Tân Lạc	14	3	11	-2	-1	-1	12	2	10	510	180	330	420	120	300
16	Xa Vân Sơn	3	2	1				3	2	1	150	120	30	150	120	30
17	Xã Yên Trị	11	2	9	-1	0	-1	10	2	8	390	120	270	360	120	240
18	Xã Yên Thủy	2	1	1	-1	-1	0	1	0	1	90	60	30	30	0	30
19	Xã Lạc Lương	6	4	2				6	4	2	300	240	60	300	240	60
20	Xã Cao Phong	11	3	8	-5	-1	-4	6	2	4	420	180	240	240	120	120
21	Xã Mường Thành	4	0	4				4	0	4	120	0	120	120	0	120
22	Xã Tân Pheo	1	1	0				1	1	0	60	60	0	60	60	0
23	Xã Đà Bắc	5	1	4				5	1	4	180	60	120	180	60	120
24	Xã Quy Đức	4	1	3				4	1	3	150	60	90	150	60	90
25	Xã Mường Vang	6	4	2				6	4	2	300	240	60	300	240	60
26	Xã Ngọc Sơn	4	0	4				4	0	4	120	0	120	120	0	120
27	Xã Yên Phú	4	1	3				4	1	3	150	60	90	150	60	90
28	Xã Lạc Sơn	8	2	6				8	2	6	300	120	180	300	120	180
29	Xã Quyết Thắng	26	16	10				26	16	10	1,260	960	300	1,260	960	300
30	Xã Đại Đồng	27	19	8	-7	-4	-3	20	15	5	1,380	1140	240	1,050	900	150
31	Xã Thượng Cốc	17	1	16	-4	0	-4	13	1	12	540	60	480	420	60	360
32	Xã Nhân Nghĩa	2	0	2	-1	0	-1	1	0	1	60	0	60	30	0	30
Tổng cộng		262	94	168	-79	-17	-62	183	77	106	10,680	5,640	5,040	7,800	4,620	3,180